



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

12/05/2025 – 16/05/2025

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

Dòng vốn ngoại quay trở lại, điều chỉnh là cơ hội

- Chứng khoán thế giới đồng loạt tăng điểm trong tuần vừa qua khi các cuộc đàm phán thương mại đã đạt được những bước tiến quan trọng trong nỗ lực hạ nhiệt căng thẳng, trong đó Anh là quốc gia đầu tiên đạt được thỏa thuận thương mại với Mỹ kể từ khi ông Trump công bố thuế đối ứng vào đầu tháng 4. Bên cạnh đó, Mỹ và Trung Quốc cũng có "bước tiến lớn" sau 2 ngày đàm phán. Một số thị trường có mức tăng nổi bật trong tuần vừa qua gồm: Việt Nam, Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông, v.v...
- Ở thị trường hàng hóa, giá Vàng duy trì trên mốc 3.300 USD/oz. Dấu hiệu xuống thang của căng thẳng thương mại trong tuần vừa qua đã khiến nhu cầu phòng ngừa rủi ro ở vàng của giới đầu tư toàn cầu có phần giảm bớt nhưng kim loại quý này vẫn có mức tăng trên 3% và 26,7% kể từ đầu năm. Giá dầu tăng hơn 4% trong tuần vừa qua, trong khi giá Đồng và Bạc cũng ghi nhận mức tăng lần lượt +5,7% và +4,9% trong vòng 1 tháng trở lại đây.
- Sau 2 ngày đàm phán căng thẳng tại Thụy Sĩ, Mỹ và Trung Quốc cuối cùng đã đạt được những bước tiến quan trọng trong nỗ lực hạ nhiệt căng thẳng thương mại. Thông tin này được Bộ trưởng Tài chính Scott Bessent và Đại diện Thương mại Mỹ Jamieson Greer công bố vào ngày 11/05.
- Thị trường trong nước vừa có tuần phục hồi trên diện rộng trong tuần đầu tiên hệ thống KRX đưa vào vận hành. Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở 1.267,3 điểm, tăng +41 điểm, tương đương tăng +3,34% so với tuần trước, ghi nhận một tuần tăng thứ 3 trong 5 tuần kể từ khi thị trường tạo đáy. Nhóm cổ phiếu trung bình (Midcap) có mức phục hồi tốt nhất, tăng +3,47%, trong khi nhóm Vn30 và nhóm cổ phiếu nhỏ (Smallcap) có mức tăng lần lượt +3,25% và +2,94%. Mặt bằng cổ phiếu phục hồi trên diện rộng, Một số nhóm cổ phiếu có sức bật tốt trong tuần vừa qua: Vingroup (+9,2%), BĐS KCN (+7,1%), BĐS (+6,7%), ...
- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 19.263 tỷ đồng, tăng nhẹ +2,2% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng tăng +3,3% lên 17.146 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 4 đạt 25.571 tỷ đồng, thanh khoản kể từ đầu tháng 5 còn 19.263 tỷ đồng, giảm -23% so với cùng kỳ và sụt -24,7% so với tháng 4. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 19.652 tỷ đồng, giảm -6,8% so với mức bình quân năm 2024, thấp hơn -19% so với cùng kỳ.
- Khối ngoại mua ròng +1.222 tỷ đồng, đánh dấu tháng đầu tiên mua ròng kể từ tháng 1/2024. Lũy kế từ đầu năm, khối ngoại đã bán ròng -40.837 tỷ đồng. Một số cổ phiếu được khối ngoại mua ròng đáng chú ý như: DXG (+262 tỷ đồng), VIC (+259 tỷ đồng), NLG (+222 tỷ đồng), v.v... trong vòng 1 tháng trở lại đây, khối ngoại mua ròng HPG (+1.649 tỷ đồng), MWG (+990 tỷ đồng), ...

Dòng vốn ngoại quay trở lại, điều chỉnh là cơ hội

- Thanh khoản toàn thị trường tăng nhẹ so với tuần trước giúp thị trường hồi phục trên diện rộng và dòng tiền lại chảy vào một số nhóm cổ phiếu như: Dầu khí, Chứng khoán, BĐS, Dệt may, Sản xuất và phân phối điện, Đầu tư công, Hóa chất, BĐS KCN, Công nghệ.
- Về định giá, chỉ số P/E (ttm) của thị trường hiện tại ở mức 12,9 lần, thấp 1 độ lệch chuẩn (13,48) kể từ tháng 5/2020, bên cạnh đó cho thấy thị trường đang ở mức định giá thấp hơn trung bình lịch sử (16,84) là cơ hội tiềm năng cho nhà đầu tư dài hạn.
- Nhận định thị trường: Dòng vốn toàn cầu đang ào ào chảy vào chứng khoán châu Á khi sự tăng giá mạnh mẽ của các đồng nội tệ trong khu vực, cùng khả năng duy trì lợi nhuận của doanh nghiệp châu Á, đã vượt trên nỗi lo về tác động tiêu cực từ chính sách thuế quan của Mỹ. Số liệu do Bloomberg tổng hợp cho thấy, các quỹ toàn cầu đã mua ròng 9.64 tỷ USD cổ phiếu tại các thị trường mới nổi châu Á (ngoài Trung Quốc) trong ba tuần qua, tạo nên chuỗi dòng vốn vào dài nhất kể từ tháng 3 năm 2024. Điều đáng chú ý là lợi nhuận doanh nghiệp tại các thị trường này được dự báo sẽ chịu tác động ít hơn từ chính sách thuế quan của Trump so với các công ty Mỹ.
- Đối với thị trường trong nước: Mạch thông tin hỗ trợ thị trường lúc này diễn biến đàm phán Mỹ – Trung. Tình hình đàm phán thuế Việt – Mỹ chưa có thông tin chính thức, nên cũng không loại trừ sẽ tạo được kích thích tâm lý nếu kết quả đàm phán tích cực. Bên cạnh đó, tín hiệu đáng chú ý lúc này là dòng vốn ngoại đang quay trở lại các thị trường Châu Á trong đó có thị trường Việt Nam. Về kỹ thuật, tròn 1 tháng kể từ khi thị trường tạo đáy, chỉ số Vn-Index đã lấy lại hơn 190 điểm (+18%), đã có rất nhiều nhóm cổ phiếu có mức tăng từ 20% - 30% như: Logistics/cảng biển, Vingroup, Bán lẻ, Hóa chất, Viettel, BĐS, do vậy áp lực chốt lời ngắn hạn sẽ diễn ra khi phía trước là khoảng GAP rất rộng từ 1.275 – 1.300 điểm. Tâm lý nhà đầu tư đã thận trọng khi thanh khoản 2 tuần liên tiếp dưới ngưỡng 20.000 tỷ đồng. So với chỉ số S&P 500, chỉ số Vn-Index đã lấy lại ngưỡng MA200 và đang retest ngưỡng MA100. Trong kịch bản cơ bản, thông tin thị trường mong đợi như Hệ thống KRX, hay kết quả kinh doanh quý I/2025 có thể đã qua khi được phản ánh vào giá, chúng tôi cho rằng áp lực chốt lời ngắn hạn không đáng ngại khi thị trường đang đón nhận dòng vốn ngoại quay trở lại, đồng thời đàm phán thương mại có thể tạo thêm tín hiệu hỗ trợ. Khả năng lấp 1 khoảng GAP khá rộng mặc dù khó nhưng vùng mục tiêu 1.280 – 1.290 điểm có thể là đích đến của thị trường trong tuần này. Hỗ trợ của thị trường đáng chú ý ở vùng MA200, tương đương 1.260 – 1.262 điểm. Trong kịch bản thận trọng, vùng hỗ trợ cho thị trường ở khu vực 1.240 điểm.
- Chiến lược giao dịch: Các nhịp điều chỉnh là cơ hội để cơ cấu danh mục, tập trung ở nhóm cổ phiếu đang có sức bật tốt như: Vingroup, Dầu khí, BĐS, BĐS KCN, ... hoặc nhóm cổ phiếu đang được chiết khấu so với ngưỡng 1.240 điểm như: Chứng khoán, Ngân hàng, Công nghệ, ...

Các sự kiện chính trong tuần này (12/05 – 16/05)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
12	13	14	15	16
	 Anh: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 3)  Mỹ: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 4)	 Đức: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 4)	 Mỹ: Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu  Anh: Tăng trưởng GDP sơ bộ (Q1)  Châu Âu: Tăng trưởng GDP sơ bộ (Q1)  Mỹ: Doanh số bán lẻ (tháng 4)  Úc: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 4)	 Nhật Bản: Tăng trưởng GDP sơ bộ (Q1)  Mỹ: Chỉ số tâm lý tiêu dùng của đại học Michigan sơ bộ (tháng 5)

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	847.00	-0.26%	8.69%	0.67%	8.30%
Dow Jones	41,249.38	-0.16%	2.58%	-3.04%	4.39%
S&P 500	5,659.91	-0.47%	5.53%	-3.77%	8.37%
Europe	537.96	0.29%	10.40%	5.98%	3.30%
Japanese	37,503.33	1.83%	11.66%	-5.99%	-1.90%
Korea	2,577.27	0.68%	5.94%	7.41%	-5.51%
China	3,342.00	1.92%	3.20%	-0.29%	5.94%
HongKong	22,867.74	1.61%	9.34%	14.00%	20.59%
Taiwan	20,543.40	-1.17%	5.20%	-10.82%	-0.80%
Indian	24,008.00	-1.39%	5.17%	1.54%	8.85%
Singapore	3,876.16	0.81%	10.35%	2.34%	17.79%
Malaysia	1,546.50	0.26%	6.31%	-5.84%	-3.38%
Indonesia	6,832.80	0.25%	9.11%	-3.49%	-3.61%
Thailand	1,210.94	1.00%	7.29%	-13.52%	-11.73%
Philippine	6,458.20	0.72%	6.26%	-1.08%	-0.83%
Vietnam	1,267.30	3.34%	8.47%	0.04%	1.82%
Brent Oil	63.91	4.27%	-1.31%	-14.38%	-22.80%
Crude Oil WTI	61.02	4.68%	-0.78%	-14.36%	-21.61%
Gold	3,344.00	3.10%	3.06%	26.62%	40.80%
S&P 500 VIX	21.90	-3.44%	-41.69%	26.22%	74.50%
Dollar Index	100.17	0.33%	0.28%	-7.50%	-4.76%
U.S. 10Y	4.38	1.73%	-2.52%	-4.16%	-2.63%
U.S. 2Y	3.90	1.89%	-1.92%	-8.06%	-20.05%

Nguồn: Update 09/05, Investing, MBS Research

- Dù vấn đề thương mại có những chuyển biến tích cực, tuần này vẫn là một tuần giảm điểm của chứng khoán Mỹ. Cả tuần, S&P 500 giảm khoảng 0,5%, Nasaq giảm 0,3% và Dow Jones giảm khoảng 0,2%.
- Anh là quốc gia đầu tiên đạt được thỏa thuận thương mại với Mỹ kể từ khi ông Trump công bố thuế đối ứng vào đầu tháng 4. Trong khi đó, sau hai ngày đàm phán căng thẳng tại Thụy Sĩ, Mỹ và Trung Quốc cuối cùng đã đạt được những bước tiến quan trọng trong nỗ lực hạ nhiệt căng thẳng thương mại. Thông tin này được Bộ trưởng Tài chính Scott Bessent và Đại diện Thương mại Mỹ Jamieson Greer công bố vào ngày 11/05.
- Ngày 7/5, Fed ra tuyên bố giữ nguyên lãi suất quỹ liên bang ở mức 4,25-4,5%, một kết quả không nằm ngoài dự báo trước đó của giới phân tích về cuộc họp chính sách tiền tệ định kỳ diễn ra trong hai ngày của ngân hàng trung ương này.
- Nếu như Fed dường như đang lo nhiều hơn tới tác động của thuế quan đến lạm phát, BOE có vẻ quan ngại hơn về ảnh hưởng của thuế quan tới tăng trưởng kinh tế. Hôm 8/5, BOE hạ lãi suất 0,25 điểm phần trăm, đưa lãi suất tham chiếu về mức 4,25%. Động thái này nằm ngoài dự báo trước đó của giới chuyên gia kinh tế.
- Ở khu vực Châu Á, các quỹ đầu tư quốc tế đang bất ngờ đổ xô vào thị trường chứng khoán châu Á khi sự tăng giá mạnh mẽ của các đồng nội tệ trong khu vực, cùng khả năng duy trì lợi nhuận của doanh nghiệp châu Á, đã vượt trên nỗi lo về tác động tiêu cực từ chính sách thuế quan của Mỹ.
- Giá vàng duy trì trên mốc 3.300 USD/oz bất chấp dấu hiệu xuống thang của căng thẳng thương mại trong tuần này đã khiến nhu cầu phòng ngừa rủi ro ở vàng của giới đầu tư toàn cầu có phần giảm bớt.
- Dầu tăng hơn 4% trong tuần qua khi căng thẳng thương mại giữa các quốc gia tiêu thụ dầu hàng đầu là Mỹ và Trung Quốc có dấu hiệu dịu bớt và Anh công bố một thỏa thuận thương mại “đột phá” với Mỹ.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Chứng khoán Mỹ: Các chỉ số chính hồi phục mạnh từ đáy, thoát khỏi trạng thái thị trường giá xuống (Bear market, giảm hơn 20% kể từ đỉnh)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Chứng khoán Hàn Quốc và Nhật Bản thoát khỏi thị trường giá xuống sau khi hồi phục lần lượt 12% và 22% từ đáy



THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI



Energy	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
Crude OilUSD/Bbl	61.02	4.7%	1.6%	-14.9%	-22.0%
BrentUSD/Bbl	63.91	4.3%	0.9%	-14.4%	-22.8%
Natural gasUSD/MMBtu	3.795	4.6%	6.7%	4.5%	68.5%
GasolineUSD/Gal	2.112	4.4%	7.9%	5.0%	-15.5%
Heating OilUSD/Gal	2.0708	3.8%	1.3%	-10.6%	-14.9%
CoalUSD/T	98.9	0.9%	2.8%	-21.0%	-31.3%
TTF GasEUR/MWh	34.61	6.1%	3.7%	-31.4%	15.9%
UK GasGBP/thm	82.759	-1.2%	-0.9%	-34.0%	14.1%
EthanolUSD/Gal	1.7275	-3.2%	-4.8%	2.2%	-6.0%
NaphthaUSD/T	548.66	2.3%	3.8%	-10.3%	-16.3%
UraniumUSD/Lbs	70.25	0.6%	9.1%	-3.8%	-23.9%
PropaneUSD/Gal	0.73	-2.0%	-7.3%	-6.6%	4.6%
MethanolCNY/T	2303	0.1%	-8.8%	-16.8%	-12.1%

Livestock	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
Feeder CattleUSD/Lbs	298.08	1.1%	5.4%	13.2%	24.9%
Live CattleUSD/Lbs	214.68	1.5%	7.0%	12.1%	22.0%
Lean HogsUSD/Lbs	90.375	-2.8%	4.5%	11.2%	-8.1%
BeefBRL/15KG	309.2	-3.0%	-4.5%	-2.6%	34.4%
PoultryBRL/Kgs	8.74	0.9%	0.2%	5.3%	18.1%
Eggs USUSD/Dozen	3.36	2.0%	5.1%	-42.3%	105.9%
Eggs CHCNY/T	3013	-1.9%	-2.9%	-14.4%	-3.0%
SalmonNOK/KG	84.86	3.2%	11.3%	-9.6%	7.7%

Agricultural	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
SoybeansUSD/Bu	1044	-0.5%	1.5%	4.6%	-13.3%
WheatUSD/Bu	504.25	-4.2%	-6.3%	-8.6%	-24.0%
LumberUSD/1000 board feet	544.71	-0.8%	-5.4%	-1.0%	1.6%
Palm OilMYR/T	3815	-1.7%	-9.2%	-14.2%	0.1%
CheeseUSD/Lbs	1.891	2.2%	7.5%	-0.5%	-8.4%
MilkUSD/CWT	18.42	-0.4%	6.8%	-1.6%	-1.1%
RubberUSD Cents / Kg	171.3	1.8%	3.4%	-13.2%	5.4%
Orange JuiceUSD/Lbs	256.2	-11.9%	-8.3%	-48.5%	-36.6%
CoffeeUSD/Lbs	395.63	1.4%	15.3%	23.4%	94.8%
CottonUSD/Lbs	66.723	-0.4%	1.4%	-2.4%	-14.1%
RiceUSD/cwt	12.341	-2.2%	-6.8%	-12.0%	-36.2%
CanolaCAD/T	695.15	0.4%	6.6%	14.2%	5.2%
OatUSD/Bu	375.04	3.8%	10.5%	13.5%	-4.9%
WoolAUD/100Kg	1191	-1.6%	-5.6%	3.2%	5.0%
SugarUSD/Lbs	17.81	2.2%	-1.0%	-7.7%	-4.4%
CocoaUSD/T	9184.5	2.8%	12.9%	-20.2%	-1.3%
TeaINR/Kgs	198.58	-0.3%	15.7%	16.8%	3.0%
Sunflower OilUSD/T	1313.7	0.2%	-0.1%	3.6%	54.2%
RapeseedEUR/T	471.47	0.0%	-8.0%	-7.6%	-2.0%
BarleyINR/T	2355	-1.2%	7.2%	-2.9%	15.1%
ButterEUR/T	7200	-0.7%	1.4%	-1.4%	18.0%
PotatoesEUR/100KG	13.8	-8.0%	-21.1%	-52.7%	-55.5%
CornUSD/BU	440.74	-4.5%	-8.8%	-3.9%	-6.2%

Nguồn: Update 09/05, tradingeconomics, MBS Research

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI



Metals	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
GoldUSD/t.oz	3324.3	2.6%	4.2%	26.7%	40.9%
SilverUSD/t.oz	32.713	2.2%	4.9%	13.3%	16.2%
CopperUSD/Lbs	4.6066	-0.9%	5.7%	15.8%	-1.2%
SteelCNY/T	3049	-0.9%	-0.8%	-7.9%	-12.4%
LithiumCNY/T	65250	-2.8%	-9.1%	-13.1%	-40.4%
Iron Ore CNYCNY/T	698	-2.2%	-1.3%	-10.4%	-20.1%
PlatinumUSD/t.oz	995	3.7%	8.5%	11.3%	-1.0%
HRC SteelUSD/T	890	1.8%	-4.3%	25.5%	14.1%
Iron OreUSD/T	98.55	0.4%	-1.3%	-4.9%	-15.7%
TitaniumCNY/KG	50.5	0.0%	4.1%	13.5%	-3.8%

Index	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
CRB IndexIndex Points	360.31	1.8%	3.9%	1.0%	6.9%
LME IndexIndex Points	4042.6	1.0%	2.9%	3.5%	-5.9%
GSCIIndex Points	531.53	2.2%	2.8%	-3.3%	-7.9%
SSE Consume Commodity	7845.4	0.4%	-1.3%	-0.4%	-8.8%
Containerized Freight	1345.2	0.3%	-3.4%	-45.3%	-41.7%
Nuclear Energy IndexUSD	27.39	5.7%	26.8%	2.3%	-13.1%
Solar Energy IndexUSD	31.68	7.9%	18.5%	-6.0%	-24.7%
EU Carbon PermitsEUR	70.39	2.4%	13.3%	-3.6%	-1.7%
Wind Energy IndexUSD	16.23	2.5%	12.8%	9.7%	-2.0%

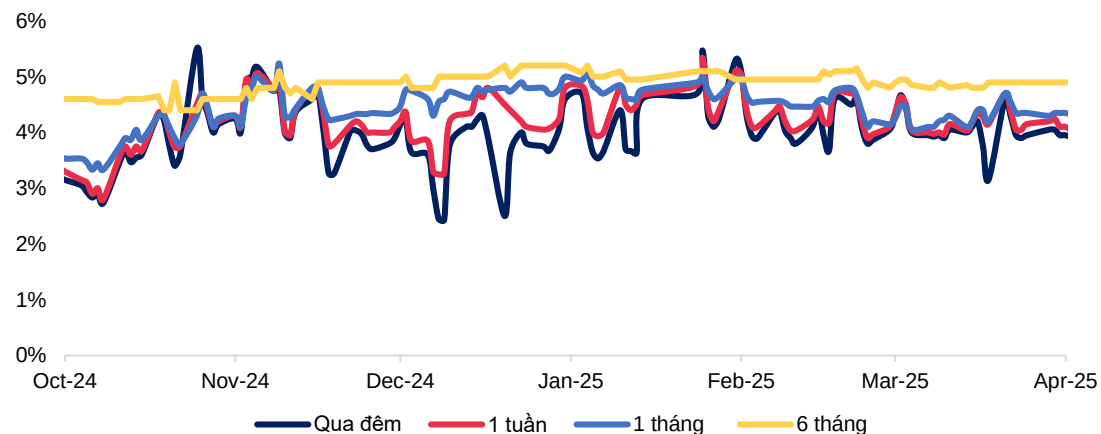
Industrial	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
BitumenCNY/T	3433	2.7%	3.0%	-6.9%	-6.9%
CobaltUSD/T	33700	0.0%	0.0%	38.7%	21.1%
LeadUSD/T	1982	2.4%	4.9%	1.5%	-10.8%
AluminumUSD/T	2421.1	-0.8%	2.2%	-5.1%	-4.3%
TinUSD/T	31877	7.0%	6.9%	9.6%	-2.2%
ZincUSD/T	2655.9	1.7%	1.1%	-10.8%	-9.4%
NickelUSD/T	15850	2.7%	8.0%	3.6%	-16.4%
MolybdenumCNY/Kg	456.5	0.0%	1.1%	-2.7%	-8.7%
PalladiumUSD/t.oz	976.5	2.7%	10.0%	9.8%	-0.6%
RhodiumUSD/t oz.	5375	0.0%	-0.9%	17.5%	13.8%
PolyethyleneCNY/T	7246	-0.1%	-1.4%	-15.0%	-13.7%
PolyvinylCNY/T	4710	-1.0%	-3.1%	-4.4%	-19.0%
PolypropyleneCNY/T	7085	-0.3%	-1.4%	-4.0%	-5.5%
Soda AshCNY/T	1388	-1.4%	-2.5%	-9.2%	-33.6%
NeodymiumCNY/T	527000	1.8%	-5.2%	6.0%	6.5%
TelluriumCNY/Kg	740	0.0%	0.0%	14.7%	24.9%
UreaUSD/T	475.5	1.1%	19.2%	40.9%	64.5%
Di-ammoniumUSD/T	647.5	1.2%	1.6%	12.1%	27.6%
MagnesiumCNY/T	18200	3.4%	4.6%	7.1%	-6.2%
GalliumCNY/Kg	1775	0.0%	0.0%	-14.5%	-20.2%
GermaniumCNY/Kg	15300	-0.7%	-0.7%	-12.8%	57.7%
ManganeseCNY/mtu	30.25	-1.6%	-3.2%	5.2%	-21.9%
IndiumCNY/Kg	2575	-2.8%	-7.2%	1.2%	-12.6%
Kraft PulpCNY/T	5156	1.3%	-2.3%	-12.1%	-15.4%

Nguồn: Update 09/05, tradingeconomics, MBS Research

Lãi suất

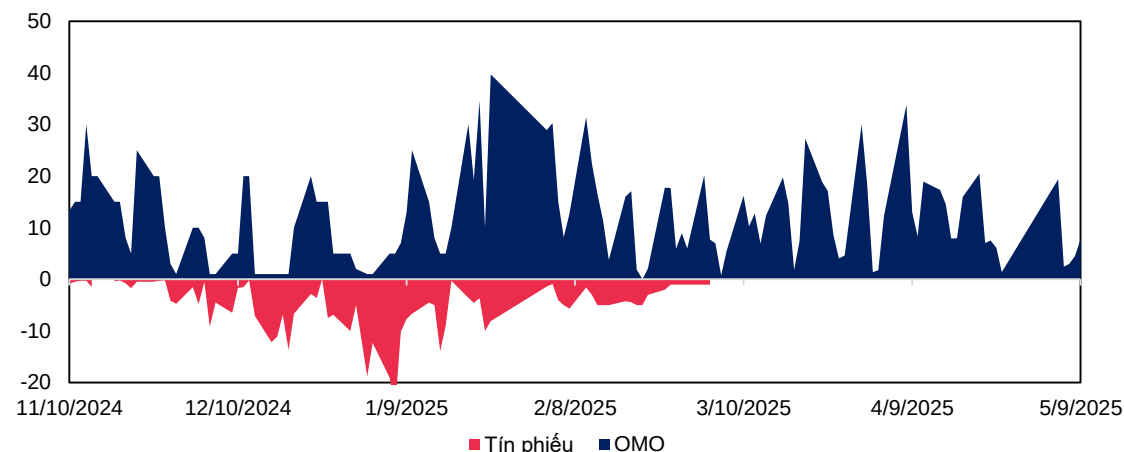
- Sau 2 tuần hút ròng liên tiếp, NHNN đã bơm ròng vào hệ thống nhằm làm giảm áp lực thanh khoản sau dịp lễ 30/4. Cụ thể, NHNN đã bơm ra thị trường 37.1 nghìn tỷ đồng thông qua kênh OMO với kỳ hạn 7, 14 và 35 ngày và lãi suất 4%. Trong tuần, khối lượng đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá là 33.7 nghìn tỷ đồng. NHNN đã bơm ròng vào hệ thống khoảng 3.3 nghìn tỷ đồng.
- Tuy nhiên, lãi suất liên ngân hàng ghi nhận tăng nhẹ trong tuần qua do áp lực thanh khoản sau dịp lễ 30/4. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần và 1 tháng tăng 0.01 dpt so với đầu tuần và lần lượt ở mức 4.1%, 4.16% và 4.38%. Ngược lại, lãi suất kỳ hạn 6 tháng ở mức 4.8%, giảm nhẹ so với mức 4.9% ở đầu tuần.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

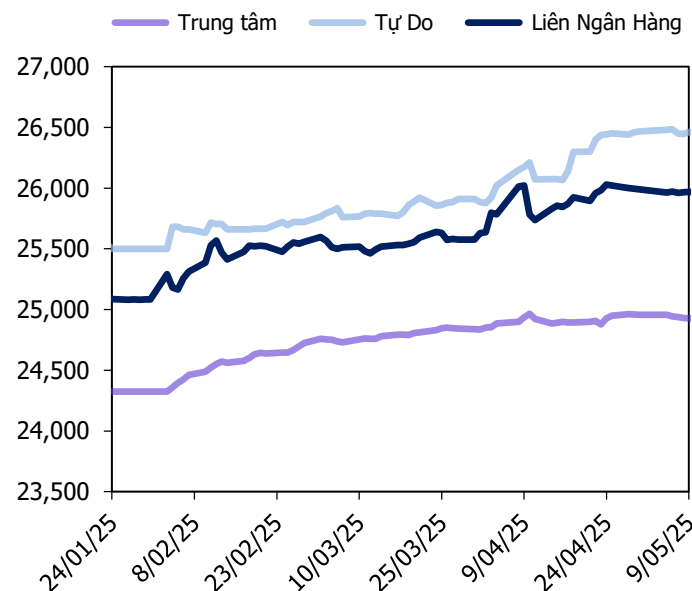


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

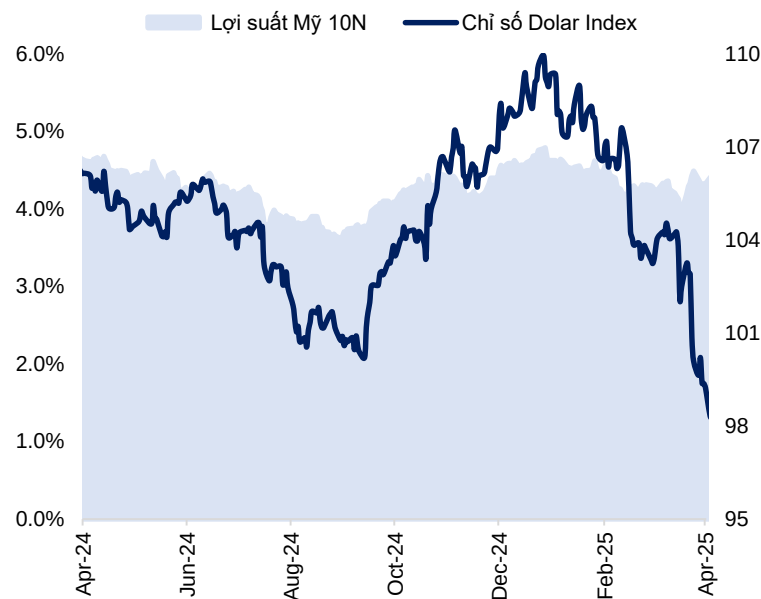
Chỉ số DXY tiếp tục tăng trong tuần qua, hiện đang ở mức 100.4, tăng 1% so với tuần trước nhờ vào một số thông tin tích cực từ Mỹ. Tuần vừa qua, Anh là nước đầu tiên đạt thỏa thuận thương mại với Mỹ làm giảm nỗi lo về bất ổn chính trị. Ngoài ra, FED công bố giữ nguyên mức lãi suất trong bối cảnh bất ổn về thuế quan và chỉ số lạm phát cũng đang giảm, tiến gần về mức mục tiêu 2% cũng củng cố niềm tin vào đồng bạc xanh. Về thị trường lao động, báo cáo việc làm phi nông nghiệp tăng thêm 177,000 và chỉ số thất nghiệp duy trì ổn định ở mức 4.2%. Trong nước, tỷ giá liên ngân hàng hiện đang ở mức 25,968 VND/USD (+2% so với đầu năm). Tỷ giá tại thị trường tự do hiện đang ở mức 26,461 VND/USD (+3% so với đầu năm), và tỷ giá trung tâm niêm yết tại 24,927 VND/USD (+2% so với đầu năm).

Tỷ giá USD/VND



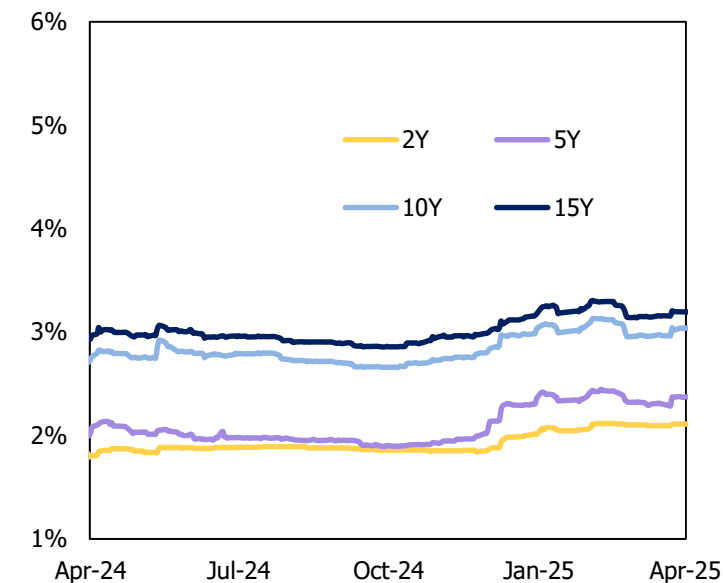
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP

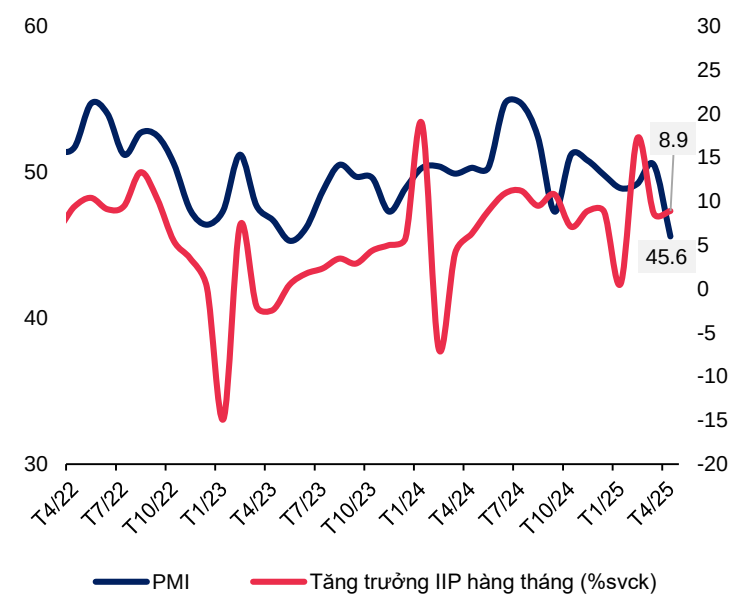


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

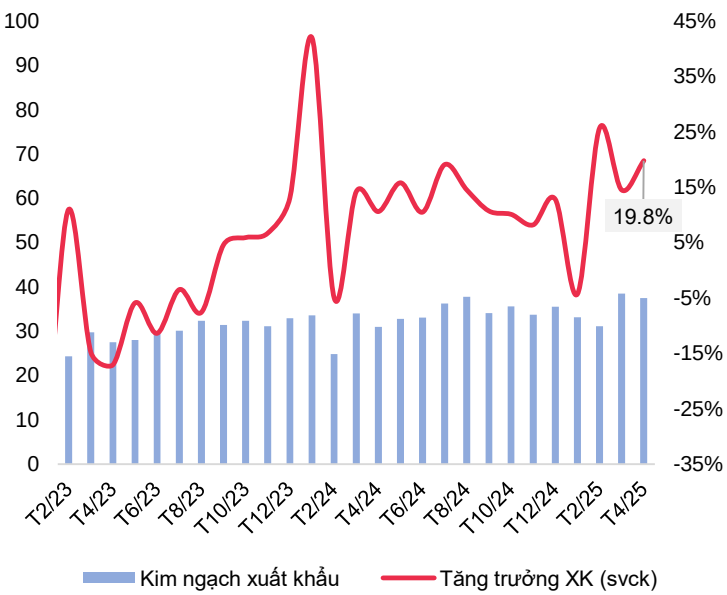
- Trong T4/2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 37.45 tỷ USD (+19.8% svck), trong khi kim ngạch nhập khẩu ước đạt 36.87 tỷ USD (+22.9% svck). Lũy kế từ đầu năm, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 3.79 tỷ USD, tuy nhiên mức này vẫn thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái với mức xuất siêu 8.4 tỷ USD. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) T4/25 ước tính tăng 1.4% so với tháng trước và tăng 8.9% svck. Đáng chú ý, chỉ số PMI tháng 4 đã giảm mạnh về mức đáy 2 năm tại 45.6 điểm khi số lượng đơn đặt hàng mới giảm mạnh trước những thông báo về thuế quan của Mỹ.
- Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11.1% svck trong tháng 4. Tính chung 4 tháng 2025, tổng mức bán lẻ tăng 9.9% svck, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7.7% svck.

Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% svck)



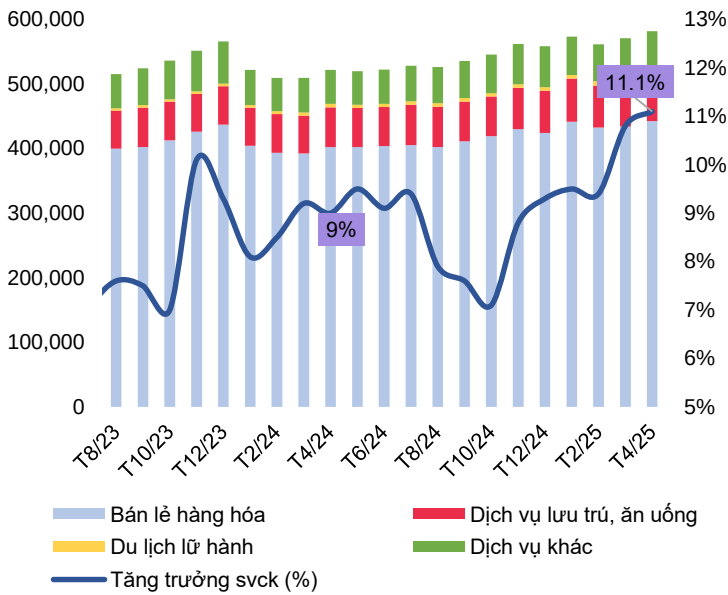
Nguồn: TCTK, MBS Research

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng so với cùng kỳ năm trước (Tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

MBS VIETNAM MACRO SNAPSHOT		Tháng 4/2025
 IIP ▲ 8.9%	 PMI ▼ 45.6	- Chỉ số PMI giảm mạnh về mức 45.6 điểm khi số lượng đơn đặt hàng mới, sản lượng giảm mạnh trước những thông báo về thuế quan của Mỹ. - Chỉ số IIP T4/25 ước tính tăng 1.4% so với tháng trước và tăng 8.9% svck. Lũy kế từ đầu năm, chỉ số IIP tăng 8.4% svck.
 Xuất siêu T4/25 0.58 tỷ US\$ Lũy kế thặng dư 3.79 tỷ US\$	Xuất khẩu T4/25 37.45 tỷ US\$ ▲ 19.8% svck Lũy kế 140.34 tỷ US\$ Nhập khẩu T4/25 36.87 tỷ US\$ ▲ 22.9% svck Lũy kế 136.55 tỷ US\$	Lũy kế từ đầu năm, kim ngạch xuất khẩu đạt 140.34 tỷ USD (+13% svck). Một số mặt hàng có mức tăng trưởng mạnh trong kỳ bao gồm: Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận (+110.3% svck); Xơ, sợi dệt các loại (+99% svck); Điện tử, máy tính và linh kiện (+58.7% svck). Trong khi kim ngạch nhập khẩu đạt 136.55 tỷ USD (+18.6% svck). Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 3.79 tỷ USD, tuy nhiên mức này vẫn thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái với mức xuất siêu 8.4 tỷ USD.
 Lạm phát T3/25 ▲ 3.1% svck Bình quân từ đầu năm ▲ 3.2% svck	Lạm phát nhìn chung khá ổn định với chỉ số CPI trong tháng 4 tăng 3.1% svck - đi ngang so với mức tăng của tháng 3 và thấp hơn đáng kể so với mức tăng 4.4% của cùng kỳ năm ngoái - nhờ giá xăng, dầu giảm 20.1% svck. Ở chiều ngược lại, các yếu tố chính đóng góp vào mức tăng của CPI trong tháng bao gồm: giá thịt lợn tăng mạnh 10.8% do thiếu hụt nguồn cung; giá nhà ở thuê tăng 7.2% do giá bất động sản tăng khiến nhiều người chuyển sang thuê nhà dẫn đến tăng áp lực lên thị trường cho thuê. Lạm phát bình quân 4T2025 tăng 3.2% svck - thấp hơn nhiều so với mức tăng 3.9% trong 4T2024; lạm phát cơ bản tăng 3.05% svck.	
 FDI đăng ký cấp mới T4/25 1.26 tỷ US\$ Lũy kế 5.59 tỷ US\$ ▼ 23.8% svck FDI giải ngân T4/25 1.78 tỷ US\$ Lũy kế 6.74 tỷ US\$ ▲ 7.3% svck	Vốn FDI thực hiện trong bốn tháng đầu năm 2025 là mức cao nhất của bốn tháng trong 5 năm qua. Đáng chú ý trong tháng, Công ty TNHH Nestlé Việt Nam đã tăng vốn đầu tư thêm 75 triệu USD để mở rộng nhà máy Nestlé Trị An tại KNC Amata (Đồng Nai)	
		 Đầu tư công T4/25 48.7 nghìn tỷ đồng ▲ 12.9% svck Lũy kế từ đầu năm giải ngân 165.6 nghìn tỷ đồng ▲ 17.7% svck ☀️ 18.6% KH năm
 Bán lẻ, dịch vụ T4/25 ▲ 11.1% svck Lũy kế ▲ 9.9% svck, nếu loại trừ yếu tố giá ▲ 7.7% svck	 Khách quốc tế đến Việt Nam T4/25 1.65 triệu lượt người ▲ 6.3% svck Lũy kế 7.67 triệu lượt người ▲ 23.8% svck	

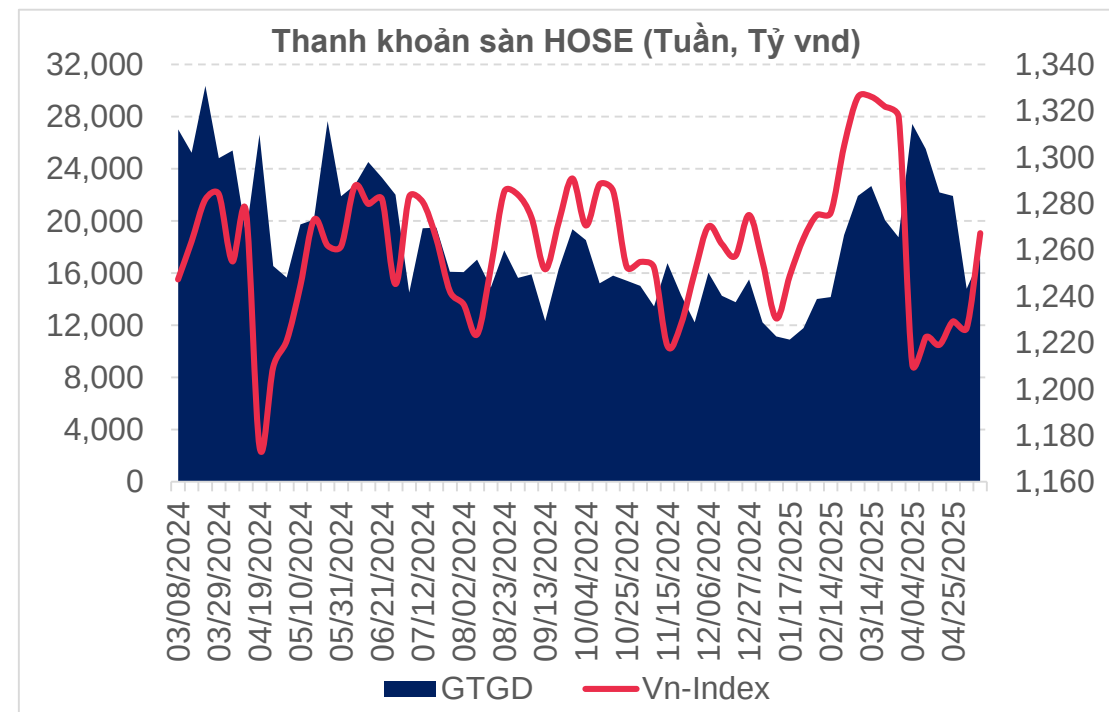
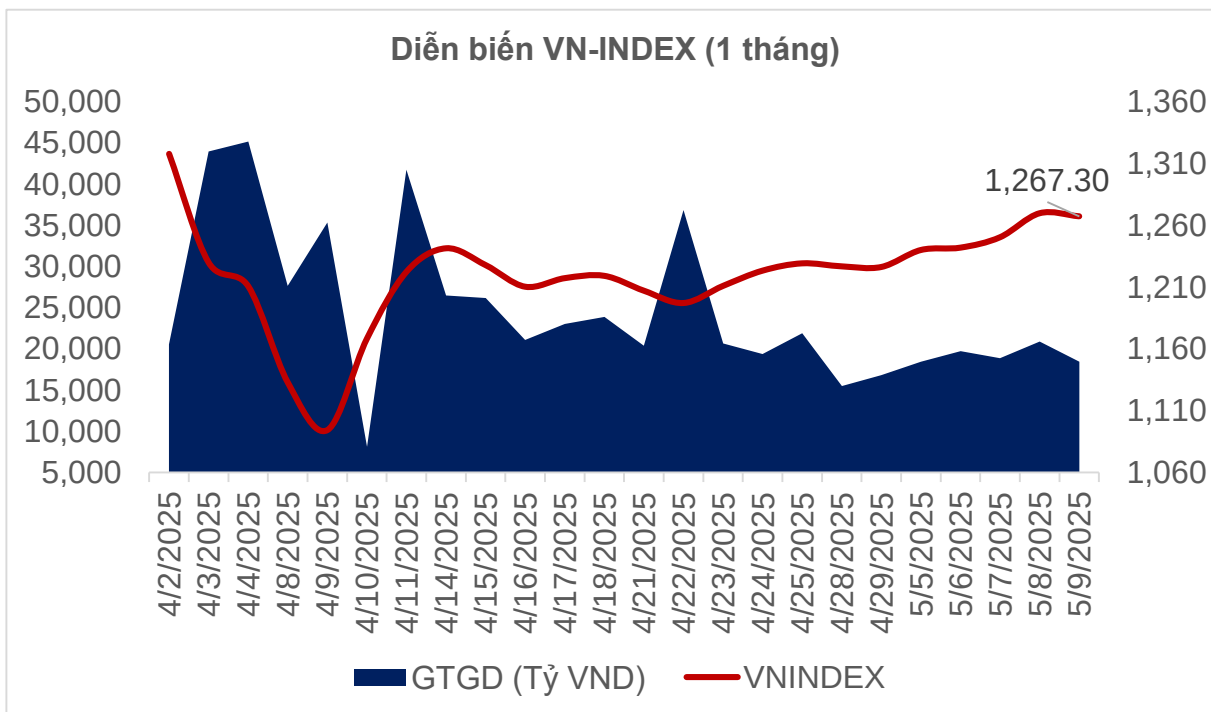
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Chỉ số Vn-Index phục hồi trên diện rộng với hơn 40 điểm, thanh khoản dưới ngưỡng 20.000 tỷ đồng ở tuần thứ 2 liên tiếp

Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở 1.267,3 điểm, tăng +41 điểm, tương đương tăng +3,34% so với tuần trước, ghi nhận một tuần tăng thứ 3 trong 5 tuần kể từ khi thị trường tạo đáy. Nhóm cổ phiếu trung bình (Midcap) có mức phục hồi tốt nhất, tăng +3,47%, trong khi nhóm Vn30 và nhóm cổ phiếu nhỏ (Smallcap) có mức tăng lần lượt +3,25% và +2,94%. Mặt bằng cổ phiếu phục hồi trên diện rộng, Một số nhóm cổ phiếu có sức bật tốt trong tuần vừa qua: Vingroup (+9,2%), BĐS KCN (+7,1%), BĐS (+6,7%), ...

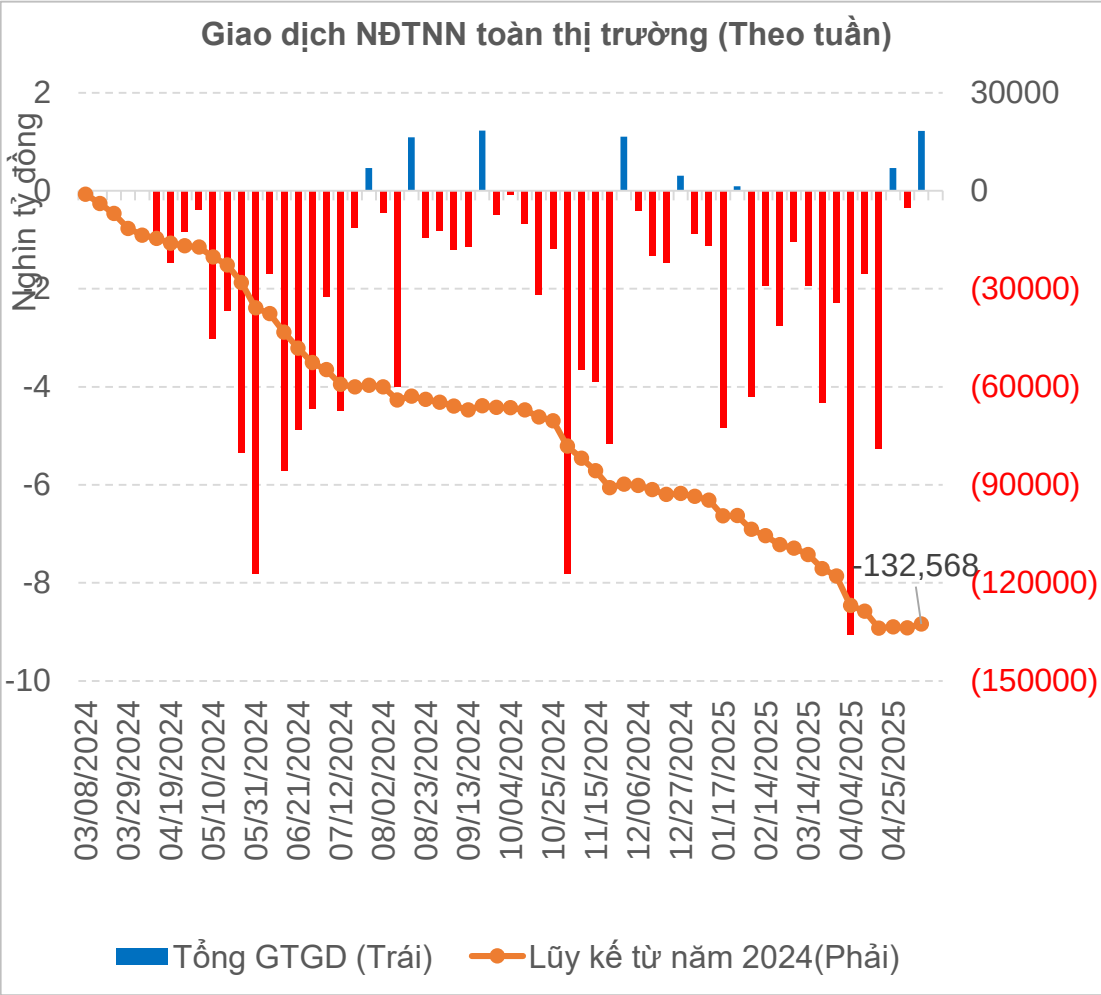
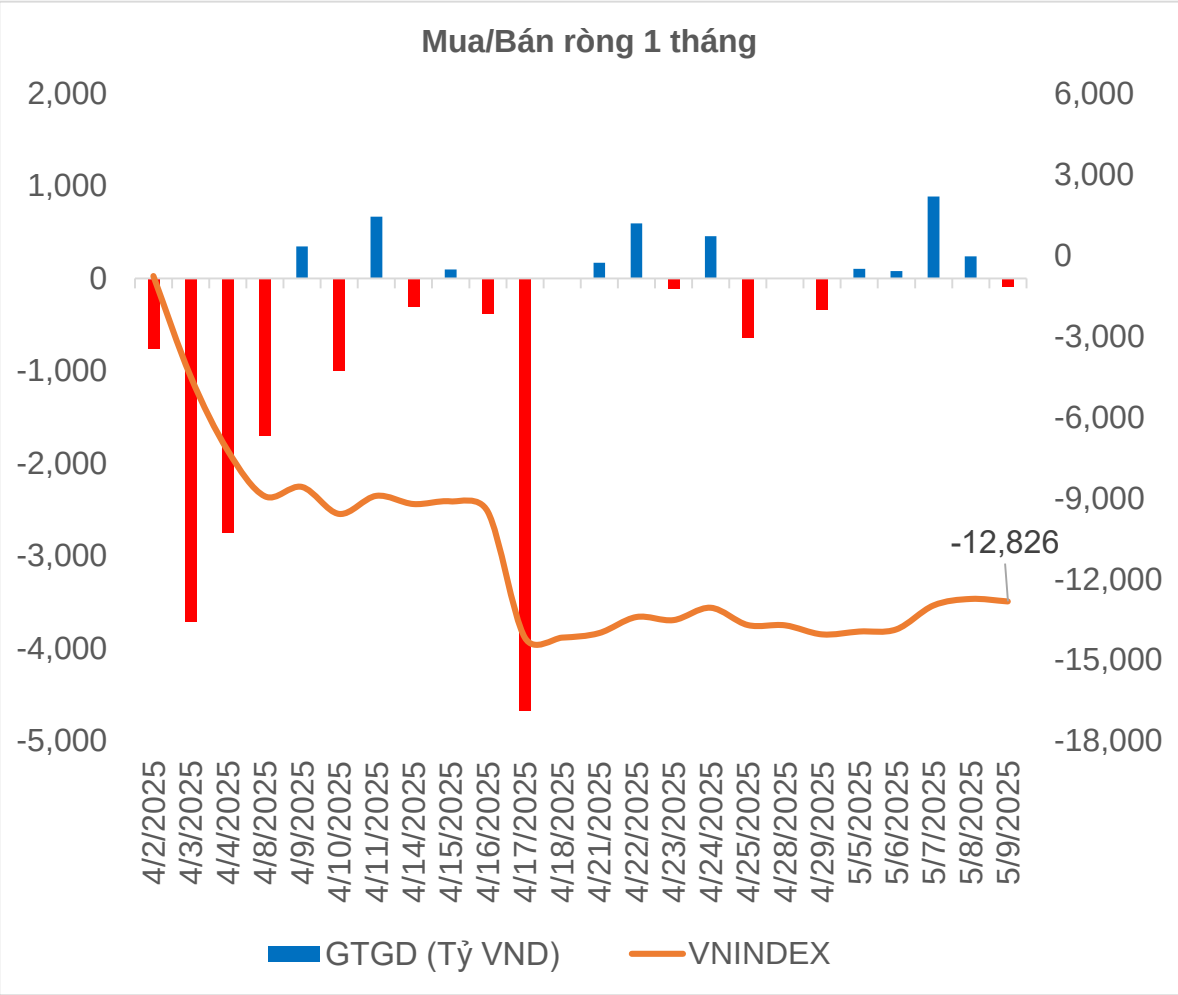
Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 19.263 tỷ đồng, tăng nhẹ +2,2% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng tăng +3,3% lên 17.146 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 4 đạt 25.571 tỷ đồng, thanh khoản kể từ đầu tháng 5 còn 19.263 tỷ đồng, giảm -23% so với cùng kỳ và sụt -24,7% so với tháng 4. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 19.652 tỷ đồng, giảm -6,8% so với mức bình quân năm 2024, thấp hơn -19% so với cùng kỳ.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

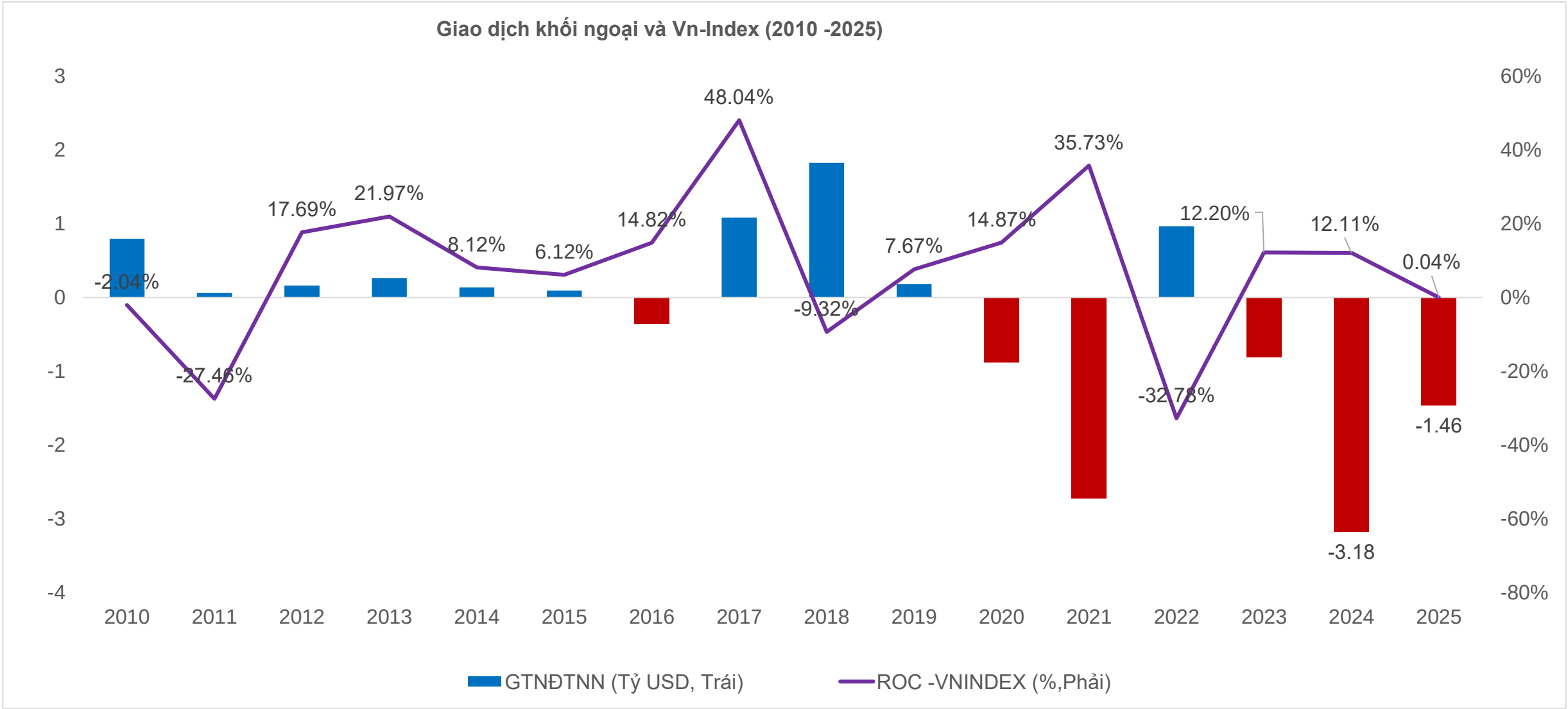


Khối ngoại mua ròng +1.222 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng -40.837 tỷ đồng



Nguồn: FinX, MBS Research

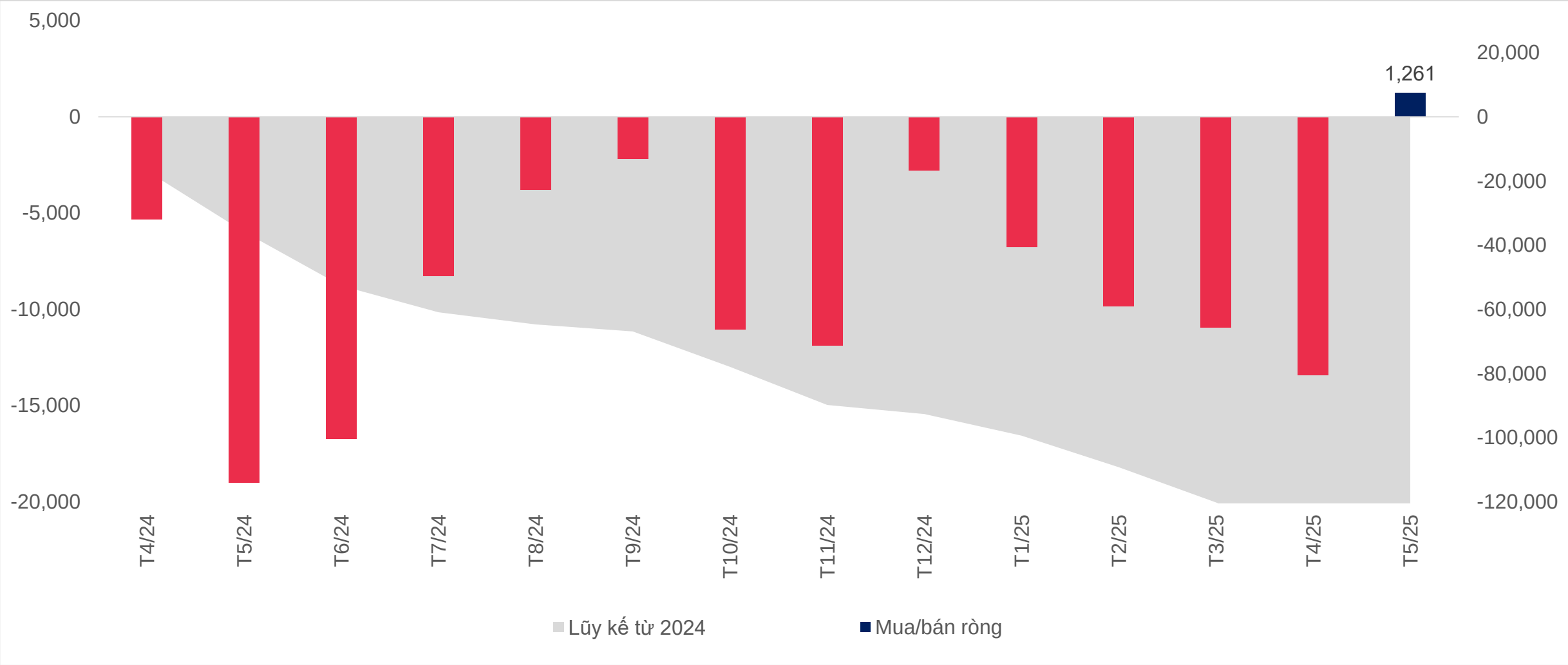
Năm ngoại khối ngoại bán ròng kỷ lục 3,2 tỷ USD trên sàn HOSE, tháng 5 đánh dấu lần đầu tiên khối ngoại mua ròng kể từ tháng 1/2024



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại đang mua ròng trở lại kể từ tháng 1/2024 (Tỷ VND)



Dòng vốn quốc tế đang có dấu hiệu quay trở lại với thị trường Đông Nam Á, Đài Loan và Ấn Độ trong bối cảnh một số đồng tiền Châu Á tăng giá so với đồng USD.

Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Asia (11)							
China	31-Mar-25			4,272	8,606	8,606	19,065
India	7-May-25	349	1,037	1,371	2,642	-10,895	-10,441
Indonesia	8-May-25	-51	-164	-156	-1,389	-3,218	-2,208
Japan	25-Apr-25		1,936	26,478	26,478	-10,868	-39,457
Malaysia	8-May-25	-10	68	148	-269	-2,511	-3,257
Philippines	8-May-25	0	23	35	-20	-229	-316
S. Korea	8-May-25	156	425	361	-6,595	-11,903	-24,456
Sri Lanka	8-May-25	-0.1	-1.8	-2	1	-35	-42
Taiwan	8-May-25	234	2,099	3,343	3,173	-15,116	-34,909
Thailand	8-May-25	-91	73	32	-400	-1,572	-3,752
Vietnam	8-May-25	10	52	52	-460	-1,464	-3,238

Đồng nội tệ của các nước Châu Á so với đồng USD (%)

Country Spot	5 Day	1 Mon	3 Mon	6 Mon	Year-Dt
Malaysian Ringgit(MYR)	-1.12	4.44	3.13	1.80	3.89
Indonesian Rupiah(IDR)	-0.48	2.12	-1.45	-5.12	-2.50
Thai Baht(THB)	0.04	4.58	1.81	2.93	3.16
Japanese Yen(JPY)	-0.15	1.78	4.29	5.14	8.28
Singapore Dollar(SGD)	0.08	3.27	4.27	2.08	5.18
Hong Kong Dollar(HKD)	-0.34	-0.20	0.18	-0.03	-0.10
Chinese Renminbi(CNY)	0.36	1.39	0.68	-0.85	0.74
Indian Rupee(INR)	-1.04	1.46	2.32	-1.26	0.19
Offshore Chinese Renminbi(CNH)	-0.46	1.38	0.79	-0.62	1.27
Vietnamese Dong(VND)	-0.03	0.19	-2.54	-2.64	-1.87
Taiwanese Dollar(TWD)	1.74	8.96	8.13	6.02	8.22
Philippine Peso(PHP)	0.20	3.33	4.57	5.03	4.26
South Korean Won(KRW)	-0.08	4.98	3.32	-0.45	4.97

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Dòng vốn ETF vẫn chủ yếu rút ròng trong vòng 1 tháng trở lại đây, tập trung ở các ETF như Diamond, Fubon và VanEck

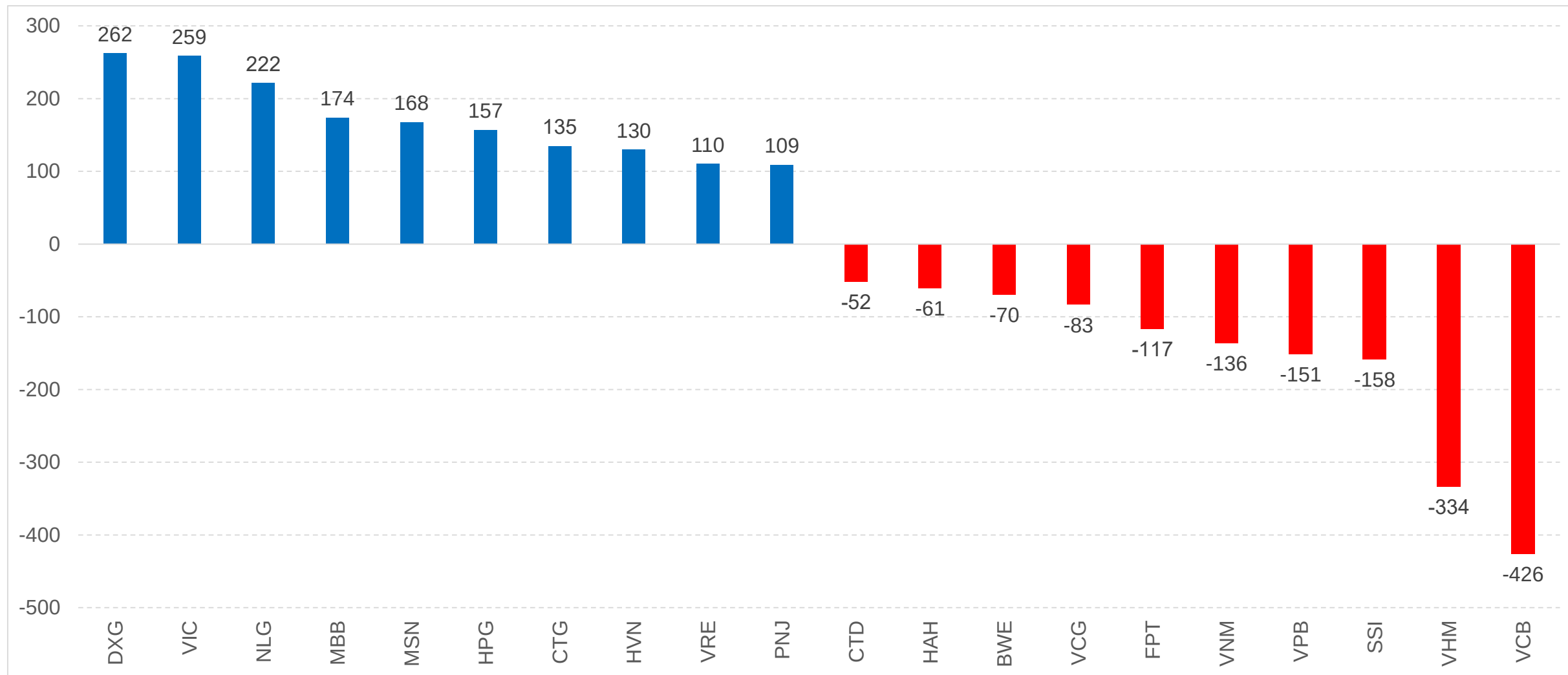
	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
VanEck Vietnam ETF	2.90%	8.19%	-1.97%	0.00	-29.48	-37.17	-61.44	-119.07
SSIAM VNFIN LEAD ETF	0.74%	-0.86%	7.72%	0.00	-0.07	-1.78	-2.37	-36.72
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	3.00%	-3.70%	-9.98%	0.00	-2.76	-6.12	-11.53	-44.33
DCVFMVN30 ETF Fund	1.00%	-1.53%	4.71%	0.00	-4.75	-34.52	-43.97	-93.87
Fubon FTSE Vietnam ETF	-3.41%	-2.75%	-6.29%	0.00	-20.61	-96.72	-99.90	-313.95
DCVFMVN Diamond ETF	0.54%	-11.69%	-5.58%	0.00	-20.93	-43.20	-41.72	-136.05
MAFN VN30 ETF	0.57%	-2.46%	4.61%	0.00	0.30	1.12	3.34	14.87
KIM Growth VN30 ETF	1.95%	-1.00%	5.97%	0.00	1.28	3.09	3.09	36.97

Dòng vốn ETF ở các thị trường lớn khu vực Châu Á

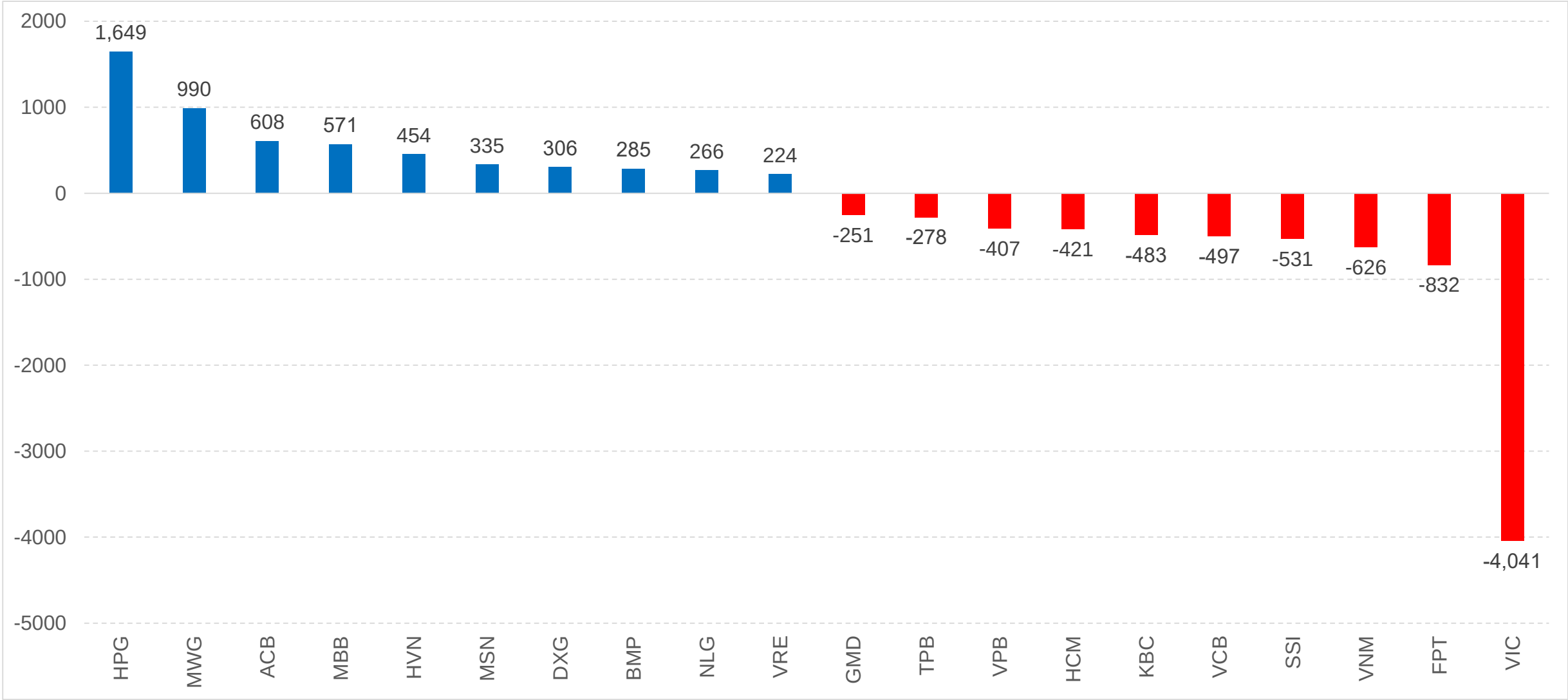
Asset Group (M USD)	1D	1W	1M	3M	YTD	1Y	3Y	5Y
China	-43	-635	21,713	11,180	15,783	108,521	216,834	286,462
Hong Kong	471	361	-946	874	1,245	2,227	28,450	53,777
India	20	203	515	919	-10	5,831	25,608	26,940
Indonesia	0	-1	5	127	141	72	-22	116
Japan	560	821	7,472	14,650	15,769	3,343	39,296	105,246
Malaysia		3	-47	-65	-79	-27	-38	-11
Pakistan			-1	-1	-2	-4	11	-1
Philippines	3	3	3	4	5	-21	-15	9
Singapore	0	18	-190	-4	51	311	253	999
South Korea	2	-231	1,303	2,207	5,055	10,332	39,187	39,722
Taiwan	176	1,016	4,955	11,738	15,006	31,621	47,313	60,441
Vietnam		1	-80	-220	-259	-740	-190	465
Thailand	-2	-3	-23	-47	-43	-96	-168	-38
ASEAN Countries	1	-1	-41	-112	-83	194	307	330
Asian Pacific Region		20	25	119	-30	-1,159	-843	2,382
Asian Pacific Region ex Japan	-1	5	264	1,457	1,660	-1,271	-7,386	8,485
Greater China	33	22	452	1,243	1,135	1,644	2,674	-61
South East Asia Region	0	-7	-26	-77	-65	239	269	267

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE 1 tháng qua (Tỷ VND)



Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	05/09/2025	04/29/2025	04/25/2025	04/18/2025	04/11/2025
Dầu khí	141.5%	-48.4%	-14.8%	-25.5%	9.6%
Ngân hàng	28.2%	-45.4%	13.2%	-42.8%	3.7%
Chứng khoán	41.9%	-56.7%	-6.2%	-4.9%	-10.8%
Bất động sản	59.9%	-35.7%	20.5%	-20.6%	-8.5%
Dệt may	43.7%	-35.4%	-4.2%	-15.0%	31.7%
Bán lẻ	2.8%	-26.7%	3.1%	-10.4%	-16.7%
Vingroup	-21.9%	-27.1%	15.0%	11.0%	-14.0%
Xây dựng & VLXD	29.9%	-49.9%	-15.4%	-17.7%	-1.7%
Thực phẩm	-17.4%	-23.2%	7.9%	-35.4%	1.2%
Thủy sản	11.1%	-22.1%	-6.9%	-2.2%	117.5%
Logistics	-21.8%	30.3%	-14.1%	90.7%	-26.0%
Dược phẩm	53.3%	-5.0%	27.5%	-51.3%	-9.9%
Sản xuất & PP Điện	145.5%	-48.2%	9.6%	-37.8%	-7.1%
Đầu tư công	88.2%	-60.8%	-3.7%	23.1%	-14.5%
Hóa chất	72.8%	-38.3%	-11.6%	-3.3%	-18.3%
Cao su tự nhiên	49.1%	-45.9%	-11.2%	-22.3%	-6.6%
Bảo hiểm	143.0%	-59.3%	24.7%	-27.8%	-14.1%
Ô tô và phụ tùng	62.3%	-26.0%	4.9%	-29.0%	-4.3%
Dịch vụ	46.1%	-28.4%	-31.5%	52.3%	0.4%
BDS KCN	84.9%	-47.4%	-23.3%	10.8%	13.5%
Viettel	17.2%	-33.5%	42.7%	-17.2%	25.3%
Du lịch	16.3%	-0.9%	-22.2%	-55.8%	46.0%
Công nghệ	131.5%	-48.2%	-36.0%	-22.4%	25.7%
Đường	-8.0%	-18.8%	-25.2%	-46.7%	63.8%

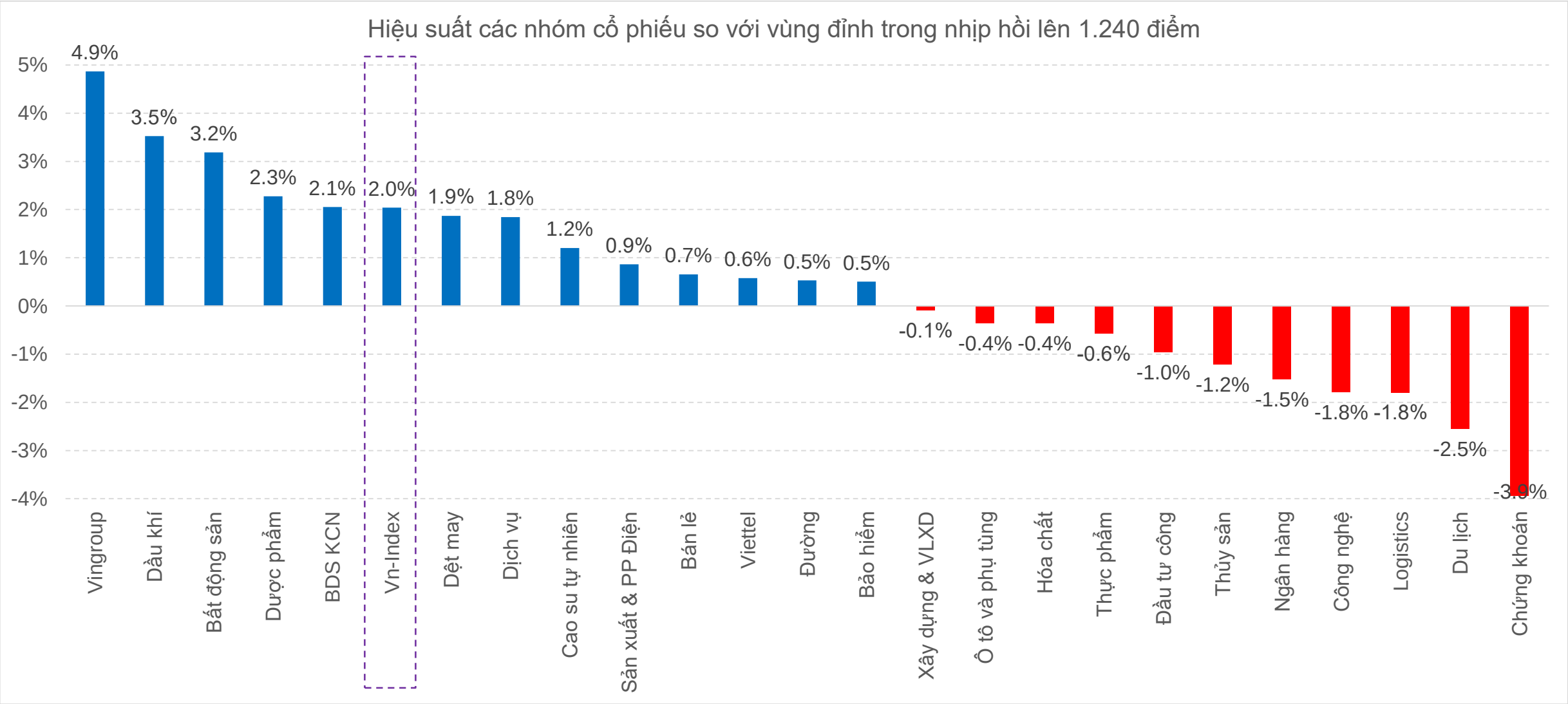
Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	05/09/2025	04/29/2025	04/25/2025	04/18/2025	04/11/2025
Dầu khí	3.0%	1.6%	1.8%	2.2%	2.3%
Ngân hàng	21.4%	21.9%	23.8%	21.0%	29.5%
Chứng khoán	12.3%	11.4%	15.6%	16.6%	14.1%
Bất động sản	12.6%	10.3%	9.5%	7.9%	8.0%
Dệt may	0.7%	0.7%	0.6%	0.6%	0.6%
Bán lẻ	4.5%	5.7%	4.6%	4.5%	4.0%
Vingroup	8.4%	14.0%	11.4%	9.9%	7.2%
Xây dựng & VLXD	5.2%	5.3%	6.3%	7.4%	7.2%
Thực phẩm	3.7%	5.8%	4.5%	4.2%	5.2%
Thủy sản	0.6%	0.7%	0.6%	0.6%	0.5%
Logistics	3.0%	5.0%	2.3%	2.6%	1.1%
Dược phẩm	0.3%	0.3%	0.2%	0.1%	0.2%
Sản xuất & PP Điện	2.0%	1.1%	1.2%	1.1%	1.5%
Đầu tư công	2.7%	1.9%	2.8%	2.9%	1.9%
Hóa chất	3.9%	2.9%	2.8%	3.2%	2.7%
Cao su tự nhiên	0.4%	0.3%	0.4%	0.4%	0.4%
Bảo hiểm	0.4%	0.2%	0.3%	0.2%	0.3%
Ô tô và phụ tùng	0.9%	0.7%	0.6%	0.6%	0.6%
Dịch vụ	1.6%	1.5%	1.2%	1.8%	0.9%
BDS KCN	3.9%	2.8%	3.1%	4.0%	2.9%
Viettel	1.4%	1.6%	1.4%	1.0%	1.0%
Du lịch	0.0%	0.1%	0.0%	0.0%	0.1%
Công nghệ	6.7%	3.8%	4.4%	6.8%	7.0%
Đường	0.3%	0.5%	0.3%	0.5%	0.7%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



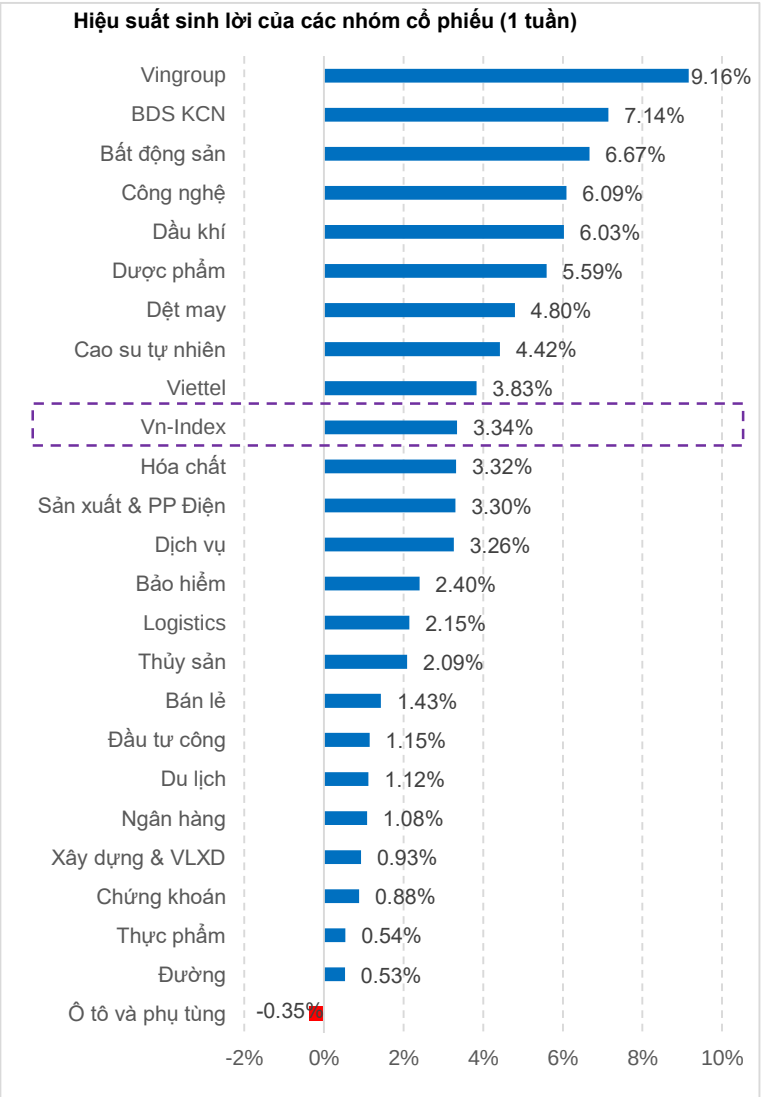
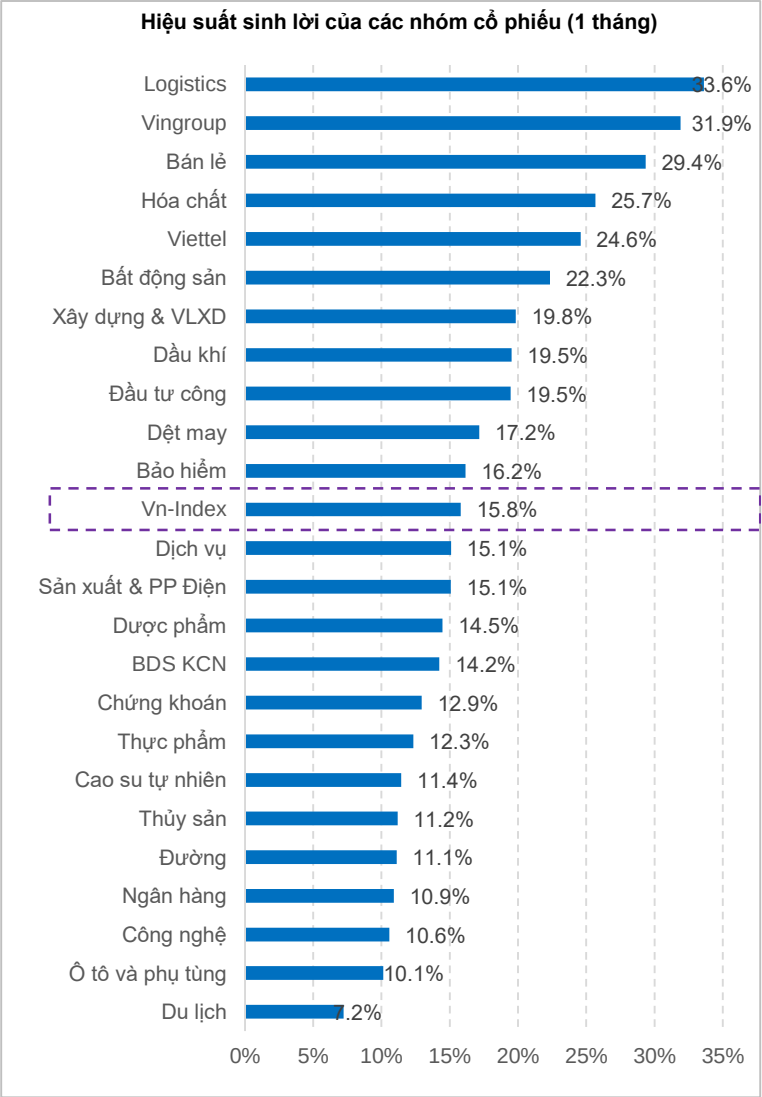
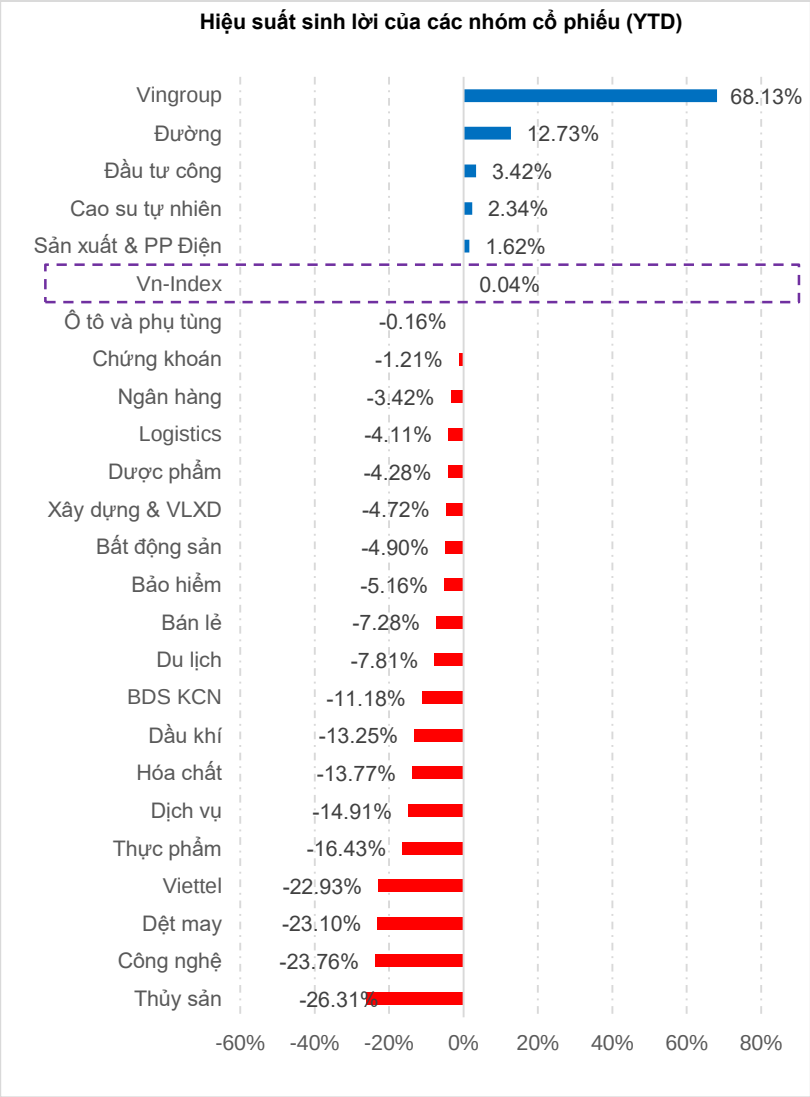
Chỉ số Vn-Index đã cao hơn đỉnh của nhịp hồi 170 điểm 2% nhưng vẫn còn một số nhóm cổ phiếu đang thấp hơn đáng kể nhưng chứng khoán, Công nghệ, Ngân hàng, ...



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất cổ phiếu có thanh khoản bình quân 100 tỷ/phần

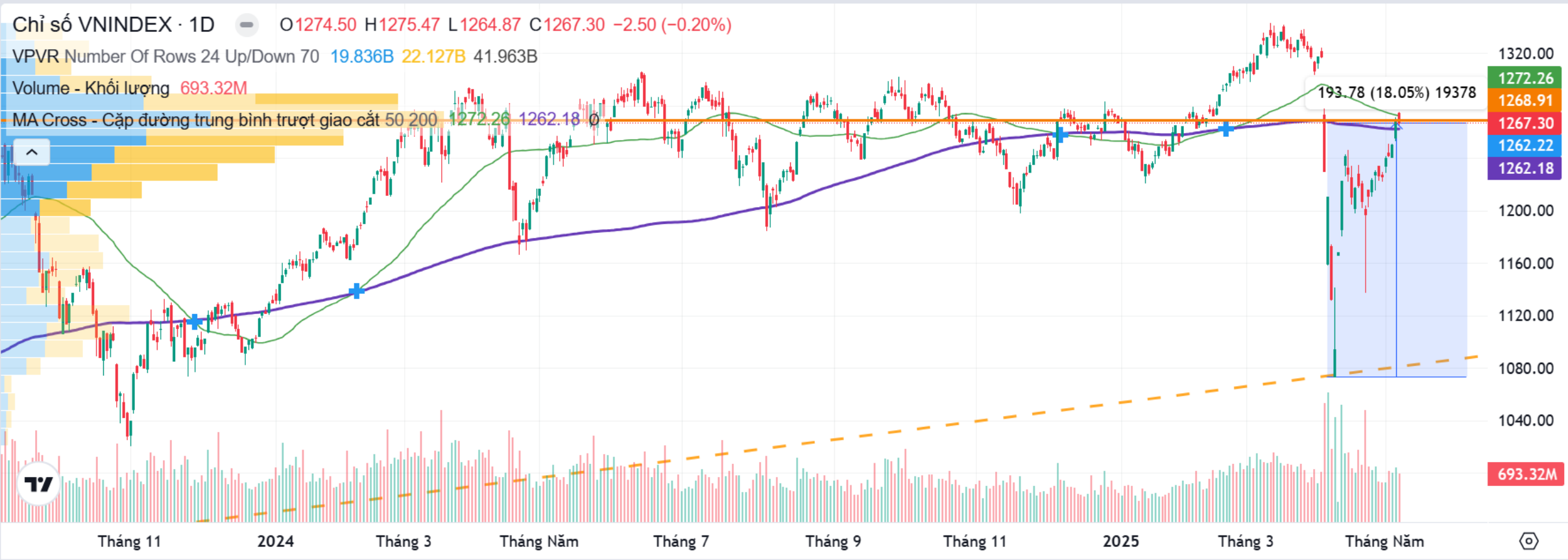
MCK	Giá đóng cửa (09/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Triệu VND)
VNINDEX	1267.30	3.34	15.81	0.04	
SHB	12.90	2.38	17.81	39.63	744,026
VIC	76.50	12.50	34.21	88.66	677,500
FPT	116.00	6.03	10.16	-23.93	639,615
TCB	27.60	4.94	16.95	11.97	595,066
MBB	23.50	-0.21	13.80	7.76	474,741
HPG	25.65	0.59	20.42	-3.75	448,110
VHM	62.20	6.51	28.25	55.50	439,371
MWG	60.40	-0.66	30.59	-0.98	434,277
STB	39.75	1.66	20.09	7.72	404,272
VRE	25.00	5.71	38.89	45.77	400,150
GEX	30.00	13.21	49.49	60.05	383,671
VIX	12.45	4.18	19.14	26.40	347,766
NVL	12.30	7.89	51.85	20.00	340,171
SSI	22.95	0.00	11.41	-11.90	336,875
MSN	62.80	0.48	24.85	-10.29	292,472
VPB	17.00	2.72	6.58	-11.46	280,230
VCI	36.35	-1.76	13.42	10.28	246,353
HDB	21.20	-1.17	16.48	-16.86	234,532
CTG	37.45	0.67	10.80	-0.93	206,198
HCM	25.80	2.58	8.86	-10.71	203,394
VNM	57.70	0.17	10.96	-8.99	199,019
DXG	16.20	6.93	31.71	8.33	198,512
VSC	23.10	3.13	65.59	45.28	192,012

MCK	Giá đóng cửa (09/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Triệu VND)
VNINDEX	1267.30	3.34	15.81	0.04	
EIB	19.10	0.79	22.44	-1.04	185,241
GMD	53.00	0.00	25.59	-18.71	182,448
HAG	13.00	-0.76	32.52	7.88	176,527
HAH	66.80	4.05	48.28	34.95	170,620
ACB	24.15	0.42	10.78	-6.40	169,831
KBC	24.20	6.14	9.26	-11.03	159,692
POW	12.75	7.59	28.40	6.25	156,405
VCG	21.30	0.00	17.03	17.36	146,934
VCB	56.60	-1.22	7.81	-7.15	144,473
TCH	17.65	2.62	23.00	16.50	140,514
PDR	16.65	8.12	10.63	-19.57	139,125
VPI	52.00	-2.26	-5.45	-13.04	136,164
DIG	15.40	4.76	3.01	-18.52	133,965
CII	13.40	1.90	27.62	-3.94	132,571
VND	14.90	2.05	17.79	18.25	131,700
TPB	14.05	3.31	20.09	-15.62	128,448
DBC	28.00	2.00	27.56	0.90	126,720
FRT	170.50	1.61	37.39	-8.14	122,178
HVN	34.60	9.49	34.11	20.77	115,798
DGC	91.70	0.77	25.44	-21.36	105,359
BAF	34.40	0.44	22.20	22.42	103,985
FTS	38.25	2.27	0.39	-9.36	103,294
GVR	26.65	12.45	11.27	-12.19	100,086

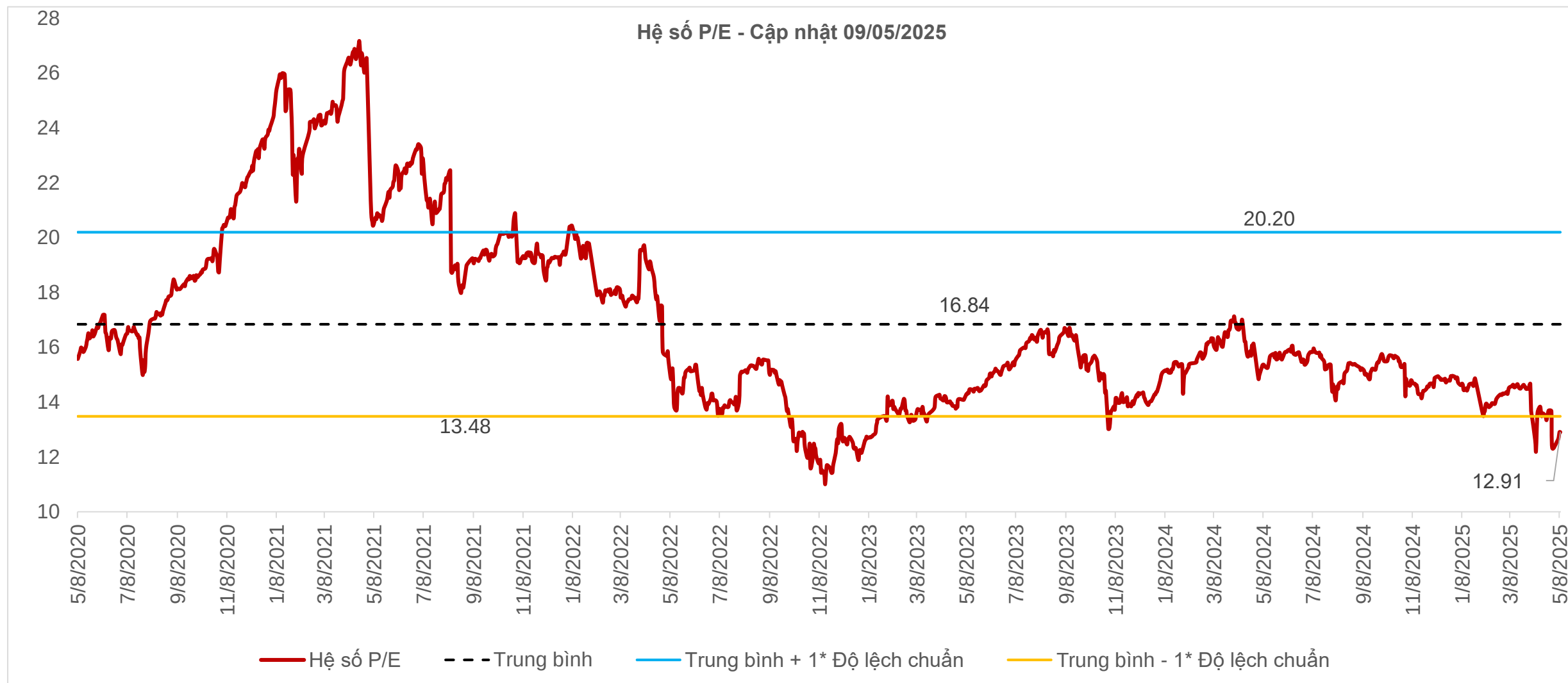
Nguồn: FinX, MBS Research

Chỉ số Vn-Index đã lấy lại hơn 190 điểm kể từ đáy, phía trước là vùng cản với GAP rộng (1.275 – 1.300 điểm)

Kịch bản cơ sở, chỉ số Vn-Index kiểm tra lại hỗ trợ quan trọng MA200 ở 1.260 điểm, vùng kháng cự 1.280 – 1.284 điểm. Vùng hỗ trợ trong kịch bản thận trọng ở khu vực 1.240 điểm.



Định giá thị trường: Hệ số P/E trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Xác suất thị trường tăng điểm trong tháng 5 khá cao khi đã có 4/5 năm tăng điểm

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	2.47	1.98	-1.51	.18	1.88	.65	1.29	1.79	-.54	-1.13	2.28	1.19
2025	-.14	3.19	.11	-6.16	3.34							
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-.37	7.95	-5.63	1.02

Nguồn: Bloomberg

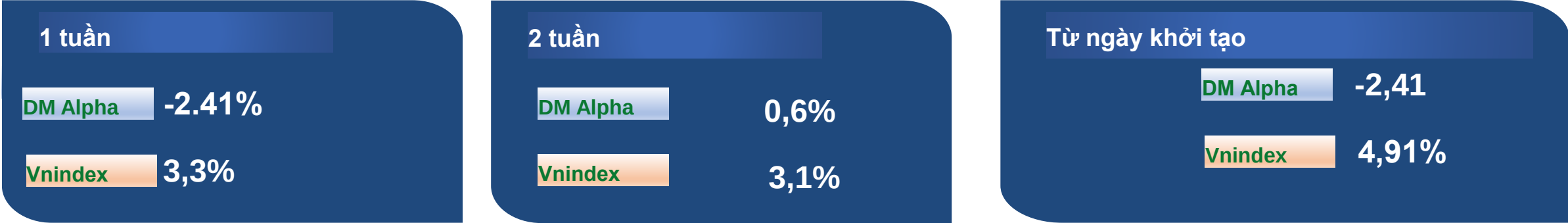
👉 Ưu điểm vượt trội:

- (1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.
- (2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.
- (4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.
- (5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

👉 Luận điểm:

- (1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.
- (2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside ≥ 1 .
- (3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.
- (4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.

Thống kê hiệu quả Danh mục Alpha
 Danh mục đầu tư hàng đầu từ chuyên gia Nghiên cứu MBS



Danh mục nắm giữ hiện tại

Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/2024
 Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2024

STT	Mã	Giá khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá Mục tiêu	Giá cắt lỗ	% Lãi dự kiến	% Lỗ dự kiến	Số phiên nắm giữ (Cho đến hiện tại)	Ngày hiện tại	Giá hiện tại	Lãi lỗ tạm tính
1	VCG	21,600	4/25/2025	25,000	20,300	15.74%	-6.02%	10	5/11/2025	21,550	-0.23%
2	CTG	37,200	4/24/2025	42,000	35,000	12.90%	-5.91%	11	5/11/2025	37,150	-0.13%
3	MWG	60,000	5/8/2025	78,000	56,500	30.00%	-5.83%	1	5/11/2025	60,400	0.67%
4	FPT	114,000	5/8/2025	130,000	102,000	14.04%	-10.53%	1	5/11/2025	116,000	1.75%
5	FRT	172,000	5/5/2025	202,000	163,000	17.44%	-5.23%	3	5/11/2025	170,500	-0.87%

CTG Việc giảm nhẹ trích lập dự phòng và phục hồi mạnh hơn của thu nhập ngoài lãi trong sẽ thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2025. Mặc dù chi phí trích lập dự báo không tang mạnh trong giai đoạn 2025/2026, chất lượng tài sản vẫn sẽ được cải thiện nhờ đẩy mạnh thu hồi nợ xấu. Chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với CTG với giá mục tiêu mới là 52,100 VND/cp, nhờ điều chỉnh tăng P/B mục tiêu lên 1.5x nhờ triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tích cực trong 2 năm t

VCG VCG được hưởng lợi đáng kể trong bối cảnh Chính phủ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công dự kiến tăng trưởng 14% và ngành xây dựng dân dụng có triển vọng phục hồi tốt. Backlog mảng xây dựng dự kiến đạt mức 19,486 (+8% svck) nhờ trúng thầu tại các dự án lớn như sân bay Long Thành, cao tốc Bắc - Nam và đường Vành đai 3.5 (HN).
- Đối với mảng BĐS, triển vọng khả quan nhờ khả năng bán 1 phần dự án Cát Bà (hiện tại đang đàm phán với 1 số đối tác) và mở bán dự án Móng Cái , Bạch Mai. Nhờ đó, LN mảng BĐS dự kiến tăng trưởng 20% svck.
- Định giá ở mức hấp dẫn: Hiện tại PE forward của DN khoảng 9.5 (thấp hơn mức trung bình 11 trong 3 năm gần đây)

MWG Năm 2025, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận ròng MWG đạt 5,180 tỷ đồng (+ 39% svck) với động lực chính từ sự phục hồi nhu cầu tiêu thụ của chuỗi TGDD&DMX và sự mở rộng khu vực mới của BHX, cụ thể:
(1) Năm 2024, hầu hết các mảng kinh doanh chủ lực của ICT-CE đều ghi nhận tăng trưởng 2 chữ số sv mức nền thấp cùng kỳ. 2 tháng đầu năm 2025, doanh thu ICT-CE ghi nhận mức tăng trưởng 2 chữ số và có sự hỗ trợ tốt của cầu tiêu thụ trong nước. Tiếp tục xu hướng phục hồi, mảng bán lẻ điện tử tiêu dùng (TGDD&DMX) kỳ vọng lợi nhuận tăng trưởng 28% sv mức nền thấp năm 2023 với số lượng cửa hàng ước tính đi ngang svck, doanh thu/cửa hàng tăng 16% svck và ghi nhận khoảng 2.7 tỷ đồng/tháng - tương đương giai đoạn năm 2022.

FPT Doanh thu 2T25 tăng 16% svck, thấp hơn kỳ vọng chủ yếu do doanh thu CNTT khu vực châu Mỹ tăng trưởng chậm. Tuy nhiên, LNTT 2T25 tăng 21% svck hỗ trợ bởi biên LN cải thiện mạnh mẽ, phù hợp với dự phóng.
Ở mức giá chiết khấu hấp dẫn, FPT là lựa chọn hàng đầu nhờ LN bền vững (20.6% CAGR 2025-27) trong bối cảnh triển vọng kinh tế có nhiều biến động.
Duy trì khuyến nghị **Khả quan** với giá mục tiêu 146,700 đ

FRT Long Châu tiếp tục là điểm sáng của FRT với vị thế dẫn đầu thị trường bán lẻ dược phẩm, chuỗi nhà thuốc tiếp tục mở rộng về quy mô và tối ưu hiệu quả chi phí giai đoạn 2025-26. Chúng tôi ước tính LN ròng năm 2025-26 tăng 111%/36% svck và đạt 670/939 tỷ đồng với động lực chính từ Long Châu.
Chúng tôi đưa ra khuyến nghị **KHẢ QUAN** với giá cổ phiếu 202,400 đồng/cp.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Gía đóng cửa (09/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)
	VNINDEX	1267.3	3.34	15.81	0.04	
1	VCB	56.6	-1.22	7.81	-7.15	477.11
2	VIC	76.5	12.5	34.21	88.66	300.16
3	VHM	62.2	6.51	28.25	55.5	255.48
4	BID	35.1	1.59	8.17	-6.52	248.91
5	VGI	70.4	3.53	25.27	-23.23	213.07
6	ACV	95	0.96	9.83	-24.54	207.90
7	CTG	37.45	0.67	10.8	-0.93	201.64
8	TCB	27.6	4.94	16.95	11.97	193.58
9	FPT	116	6.03	10.16	-23.93	168.14
10	HPG	25.65	0.59	20.42	-3.75	164.38
11	GAS	61.1	4.8	20.28	-10.28	143.84
12	MBB	23.5	-0.21	13.8	7.76	143.71

STT	MCK	Gía đóng cửa (09/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)
13	VPB	17	2.72	6.58	-11.46	134.88
14	MCH	120.2	0.5	5.44	-32.97	124.18
15	VNM	57.7	0.17	10.96	-8.99	119.96
16	ACB	24.15	0.42	10.78	-6.4	107.87
17	GVR	26.65	12.45	11.27	-12.19	106.20
18	LPB	34.5	5.99	9.52	10.4	98.73
19	MSN	62.8	0.48	24.85	-10.29	90.62
20	MWG	60.4	-0.66	30.59	-0.98	89.18
21	HVN	34.6	9.49	34.11	20.77	76.84
22	STB	39.75	1.66	20.09	7.72	74.47
23	HDB	21.2	-1.17	16.48	-16.86	74.27
24	MVN	56	-1.58	-1.06	1.63	68.55
25	SAB	49	1.87	11.11	-11.71	62.27

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Gía đóng cửa (09/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)
	VNINDEX	1267.3	3.34	15.81	0.04	
26	BCM	59.5	8.18	4.75	-16.08	62.10
27	VRE	25	5.71	38.89	45.77	56.81
28	BSR	18	12.15	23.71	-21.05	55.65
29	SSB	18.7	1.63	-3.11	11.64	53.20
30	SHB	12.9	2.38	17.81	39.63	52.44
31	VIB	17.55	1.15	7.65	-7.38	52.43
32	VEA	38.4	-1.29	8.17	-3.52	51.03
33	VJC	89.5	4.07	13.15	-10.5	48.64
34	PLX	35.15	3.69	13.57	-6.27	45.36
35	SSI	22.95	0	11.41	-11.9	45.32
36	FOX	90.3	0.44	13.14	-1.81	44.82
37	KSV	189.7	-3.71	-8.89	77.29	37.80

STT	MCK	Gía đóng cửa (09/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)
38	TPB	14.05	3.31	20.09	-15.62	37.12
39	BVH	48.2	4.9	23.27	-4.93	36.30
40	VEF	227	9.61	43.67	32.05	36.05
41	EIB	19.1	0.79	22.44	-1.04	35.86
42	DGC	91.7	0.77	25.44	-21.36	35.02
43	SSH	87.6	-1.24	9.5	30.75	33.30
44	REE	68.7	0.29	12.62	2.57	32.83
45	POW	12.75	7.59	28.4	6.25	29.98
46	MSB	11.3	0.89	13	-3	29.51
47	GEE	80.6	2.03	61.16	188.49	29.46
48	KDH	28.45	7.97	17.32	-21.19	29.12
49	VCI	36.35	-1.76	13.42	10.28	26.46
50	GEX	30	13.21	49.49	60.05	26.04

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng